CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản

Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản [1].

---

[1] Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15;*

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[2]

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026, bao gồm:

1. Quy định chi tiết khoản 3 Điều 57; điểm đ, điểm h, điểm i và điểm n khoản 2 Điều 59; khoản 2 Điều 63; khoản 6 Điều 64; khoản 5 Điều 67, khoản 3 Điều 69; điểm đ, điểm g, điểm i và điểm n khoản 2 Điều 70; điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm h khoản 4 Điều 73; khoản 3 Điều 74; điểm c khoản 2 Điều 76 của Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15.

2. Quy định chi tiết điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7; khoản 8 Điều 59; khoản 8 Điều 90; khoản 9 Điều 91; khoản 4 Điều 92; khoản 7 Điều 93; khoản 5 Điều 97; khoản 3 Điều 98 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; Điều 14; điểm đ khoản 3 Điều 59a; điểm c khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 61; khoản 8a Điều 64; khoản 3, khoản 4 Điều 67a; khoản 4 Điều 95a; khoản 8, khoản 12 Điều 96; khoản 7 Điều 110d; Điều 115 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP; điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

3. Việc quy định chi tiết thi hành các điều, khoản, điểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm các nội dung về đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; việc lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; việc kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; hệ thống thông tin, dữ liệu giám sát hoạt động khoáng sản; đối tượng lập, thời điểm nộp, hình thức và nội dung bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; việc báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản, công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; việc điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản trong trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà khu vực khai thác khoáng sản còn trữ lượng và giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực; khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; mẫu văn bản, tài liệu trong

---

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.".

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản; mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản; mẫu báo cáo, tài liệu về thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ chấp thuận khai thác khoáng sản trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khu vực khoáng sản ngập nước* là khu vực có khoáng sản nằm trong khu vực được phép khai thác khoáng sản mà không thể tháo khô hoặc không sử dụng biện pháp tháo khô trong quá trình khai thác xác định trong nội dung dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ.

2. *Điểm mốc chính* là điểm mốc đo đạc được lập trong quá trình thăm dò, xây dựng cơ bản mỏ và có tính ổn định trong suốt thời gian khai thác.

3. *Điểm mốc phụ* là điểm mốc đo đạc lập bổ sung nằm xen kẽ giữa các điểm mốc chính, không lưu giữ lâu dài để đo đạc, thể hiện các yếu tố địa hình chi tiết thân khoáng sản phục vụ việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng.

Chương II
KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Điều 4. Khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

1. Đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 5 của Thông tư này sau khi được Sở Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Đối với khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 5 của Thông tư này sau khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản không phải thực hiện thủ tục chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin

chung đối với khoáng sản nhóm IV.

3. Các khu vực không phải thực hiện khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV bao gồm:

a) Khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản nhóm IV được phê duyệt, công nhận;

b) Khu vực đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV đáp ứng nội dung quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV căn cứ vào kết quả thăm dò khoáng sản nhóm IV, kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV đã thực hiện trước đây.

4. Việc tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có thể tự thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc ký hợp đồng với tổ chức có chức năng điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản để thực hiện việc khảo sát, đánh giá;

b) Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với kết quả khảo sát, đánh giá.

5. Trước khi thực hiện khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, tổ chức, cá nhân phải có văn bản thông báo thời gian thực hiện cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc khảo sát, đánh giá.

6. Kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV phải được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 5. Nội dung khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

1. Nội dung khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, như sau:

a) Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000;

b) Lộ trình địa chất được thực hiện như sau: khoảng cách giữa các lộ trình tối đa là 400m; mật độ điểm khảo sát từ 200-300 điểm/km^2. Từng điểm khảo sát địa chất tại thực địa phải mô tả được đặc điểm địa chất, thành phần, cấu tạo và xác định được ranh giới các tầng sản phẩm, thân khoáng (nếu có) làm cơ sở xác định chiều dày trung bình của tầng sản phẩm, thân khoáng trong diện tích khảo sát, đánh giá;

c) Thi công công trình địa chất (vết lộ, hố, giếng hoặc khoan) phải xác định tọa độ, độ cao theo hệ tọa độ, độ cao quốc gia, khống chế được hết bề dày tầng sản phẩm, thân khoáng hoặc khống chế đến cốt cao dự kiến khai thác và

được thực hiện như sau: khoảng cách giữa các tuyến thi công công trình tối đa là 400m, khoảng cách các công trình trên tuyến tối đa là 200m. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 1,0ha và chiều dài phân bố không quá 500m phải có ít nhất 01 công trình địa chất ở vị trí đại diện đảm bảo khống chế các tầng sản phẩm, thân khoáng;

d) Khảo sát địa chất thủy văn - địa chất công trình, thu thập tài liệu thủy văn, xác định lượng mưa khu vực khảo sát trong khoảng thời gian 03 năm gần nhất;

đ) Lấy, gia công mẫu bao gồm: mẫu rãnh, mẫu lõi khoan, mẫu trọng sa (đối với các mỏ sa khoáng), mẫu ronghen, mẫu độ ẩm, nở rời, mẫu cơ lý đất, mẫu hoạt độ phóng xạ;

e) Phân tích mẫu bao gồm: phân tích thành phần hoá cơ bản đối với mẫu rãnh, mẫu lõi khoan và ICP 36 nguyên tố (lấy tại phần lưu mẫu hóa cơ bản, tối thiểu 10% so với mẫu hoá cơ bản) để xác định thành phần các nguyên tố có ích, có hại trong các tầng sản phẩm, thân khoáng, phân tích thành phần khoáng vật, phân tích toàn diện các chỉ tiêu cơ lý, xác định độ ẩm, hệ số nở rời và xác định hoạt độ phóng xạ;

g) Mỗi công trình địa chất, tầng sản phẩm tối thiểu 01 mẫu, chiều dài mẫu tối đa là 10m.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, nội dung khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV như sau:

a) Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000;

b) Thi công tối thiểu 01 công trình địa chất (vết lộ, hố, giếng hoặc khoan) ở vị trí đại diện đảm bảo khống chế các tầng sản phẩm, thân khoáng hoặc đến cốt cao dự kiến khai thác; công trình địa chất phải xác định tọa độ, độ cao theo hệ tọa độ, độ cao quốc gia;

c) Lấy, gia công mẫu, phân tích mẫu: ICP 36 nguyên tố để xác định thành phần các nguyên tố có ích, có hại trong các tầng sản phẩm, thân khoáng; mẫu xác định hoạt độ phóng xạ.

3. Kỹ thuật thi công công trình địa chất thực hiện theo quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào; quy trình lấy, gia công, phân tích và việc kiểm soát, xử lý chất lượng mẫu thực hiện theo quy định hiện hành. Phương pháp tính khối lượng khoáng sản áp dụng theo các phương pháp tính trữ lượng, tài nguyên khoáng sản và được lựa chọn phù hợp với đặc điểm tầng sản phẩm, thân khoáng để đảm bảo độ tin cậy, đơn vị tính là m^3.

Điều 6. Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng

sản

1.[3] Trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều này, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét, chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về năng lực tài chính quy định khoản 3 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 1 Điều 55 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP và phù hợp với tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 143 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

Tổng mức đầu tư của dự án khai thác khoáng sản (hoặc phương án khai thác khoáng sản) đối với khu vực đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV làm cơ sở xác định điều kiện về năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được xác định trên cơ sở suất đầu tư thực tế theo khối lượng khoáng sản của dự án khai thác (hoặc phương án khai thác) loại khoáng sản tương tự đã hoặc đang thực hiện;

b) Trường hợp có nhiều hơn 01 tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này, ưu tiên lựa chọn tổ chức, cá nhân có hồ sơ đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này nộp trước (tính theo ngày nộp hồ sơ); trường hợp có nhiều hơn 01 tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cùng ngày, ưu tiên lựa chọn tổ chức, cá nhân có vốn chủ sở hữu lớn hơn.

1a.[4] Đối với khu vực khoáng sản nhóm IV được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 5 Điều 143 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét, chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được thực hiện như sau:

a) Lựa chọn nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trường hợp có nhiều nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn để Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư không đề nghị

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

xem xét chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và chỉ đề xuất một tổ chức, cá nhân khác để khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh lựa chọn để xem xét chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân được đề xuất để khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn để Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư không đề nghị xem xét chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và không đề xuất một tổ chức, cá nhân khác để khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều này;

d) Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại các điểm a, b và c khoản này, khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trữ lượng, khối lượng được phép khai thác đối với từng giấy phép khai thác khoáng sản để bảo đảm tiến độ thi công, nhu cầu sử dụng của các công trình, dự án trong hoặc ngoài địa bàn cấp tỉnh.

2.[5] Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm c khoản 1a Điều này, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV bao gồm:

a) Bản chính: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 55 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

3.[6] Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1a Điều này, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV bao gồm:

a) Bản chính: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; văn bản giới thiệu của nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản (trong trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư đề xuất tổ chức, cá nhân khác để khảo sát, đánh

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV);

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công hoặc văn bản giao là chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Trình tự, thủ tục chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa (nếu cần); trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa (nếu có) do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định tại điểm d khoản này;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm b khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác;

d) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận hoặc không chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

1. Thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV bao gồm bản chính: Văn bản đề nghị xác

nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (trường hợp nộp hồ sơ giấy phải có bản số gửi kèm).

2. Trình tự, thủ tục xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc[7], kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường có thể lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản này (nếu có), cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan;

d) Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện chỉ thực hiện một lần. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.

Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu

---

[7] Cụm từ "10 ngày" được thay thế bởi cụm từ "08 ngày làm việc" theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới;

đ) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này, Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN, THU HỒI KHOÁNG SẢN

Điều 8. Đăng ký, thông báo ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ và ngày bắt đầu khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản phải:

a) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản trước khi thực hiện hoạt động đó ít nhất 15 ngày. Hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp có sự thay đổi về thời gian thực hiện, tổ chức, cá nhân phải đăng ký lại bằng văn bản.

b) Thông báo bằng văn bản về ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với Ủy ban nhân dân các cấp nơi có khoáng sản được phép khai thác (đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[8]), với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trước khi thực hiện hoạt động đó ít nhất 07 ngày làm việc.

2. Hồ sơ đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Bản chính văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản giao đất, cho thuê đất theo

[8] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 9. Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, kết quả khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ và phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật cũng như cơ quan quản lý nhà nước về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, tài liệu trong hồ sơ, bao gồm:

a) Hồ sơ về kết quả thăm dò bổ sung trong trường hợp có thực hiện việc thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác khoáng sản;

b) Hồ sơ về kết quả khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ cho đến khi kết thúc khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Bản gốc (gồm bản giấy và bản số hóa điện tử) của hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này được lưu giữ tại trụ sở của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản. Trường hợp trụ sở của tổ chức, cá nhân không ở cùng địa chỉ thực hiện dự án khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, ngoài bản gốc lưu giữ tại trụ sở, tổ chức, cá nhân phải lưu 01 bộ bản sao tại văn phòng nơi thực hiện dự án khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản.

3. Mọi hành vi làm giả mạo, sai lệch hồ sơ về kết quả thăm dò bổ sung, kết quả khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hoặc chỉnh sửa hồ sơ đã lưu giữ sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản rắn có trách nhiệm cập nhật kết quả thăm dò bổ sung, kết quả khai thác khoáng sản vào bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng.

5. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xuất trình hoặc cung cấp hồ sơ về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản thì tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản có trách nhiệm xuất trình hoặc cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.

Điều 10. Kiểm soát sản lượng khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản phải lắp đặt các thiết bị kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

2. Sổ sách, chứng từ, tài liệu làm căn cứ theo dõi, kiểm soát, thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, khoáng sản còn lại bao gồm:

a) Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai, khối lượng đất đá thải (nếu có), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản sau công đoạn chế biến theo dự án khai thác khoáng sản. Số liệu được ghi chép, thống kê hàng ngày vào sổ theo dõi theo quy định tại điểm a

khoản 2 Điều 22 của Thông tư này;

b)[9] Sổ theo dõi hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác, trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến theo dự án khai thác khoáng sản. Số liệu được ghi chép, theo dõi hàng tháng vào sổ theo dõi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 của Thông tư này.

Quy định tại điểm này chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1, mục 4 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

c) Bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản được lập theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Thông tư này;

d) Chứng từ kê khai, quyết toán nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường.

3. Số liệu, thông tin trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản, báo cáo thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, báo cáo kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại phải thống nhất. Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình của mình.

4. Trách nhiệm quản lý, lưu giữ sổ sách, chứng từ, tài liệu về kiểm soát, thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, khoáng sản còn lại được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản phải lưu giữ đầy đủ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ cho đến khi kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ và phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật cũng như cơ quan quản lý nhà nước về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin ghi chép, theo dõi, thống kê tại các sổ sách, tài liệu, báo cáo.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không lập hoặc lập không đầy đủ hoặc để thất lạc sổ sách, chứng từ, tài liệu về sản lượng khai thác khoáng sản hoặc thông tin, số liệu không đầy đủ, chính xác thì tùy theo tính chất, mức độ hậu quả gây ra sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Bản gốc (gồm bản giấy và bản số hóa điện tử) của sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này được lưu giữ tại

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

trụ sở của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản. Trường hợp trụ sở của tổ chức, cá nhân không ở cùng địa chỉ thực hiện dự án khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, ngoài bản gốc lưu giữ tại trụ sở; tổ chức, cá nhân phải lưu 01 bộ bản sao tại văn phòng mỏ nơi thực hiện dự án khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản.

c) Khi hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản thực hiện việc lập các sổ sách, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp trên hệ thống.

Điều 11. Hệ thống thông tin, dữ liệu giám sát hoạt động khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản nhóm IV), khai thác tận thu khoáng sản phải xây dựng hệ thống quản lý, phân tích và tổng hợp dữ liệu, thông tin về hoạt động khoáng sản, kết nối hệ thống với các thiết bị quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này.

2. Dữ liệu của hệ thống quy định tại khoản 1 Điều này được chia thành 02 loại, bao gồm:

a) Dữ liệu định danh, bao gồm: Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản. Dữ liệu định danh này phải được gắn kết với dữ liệu giám sát hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Dữ liệu giám sát sản lượng khai thác khoáng sản được lấy từ thiết bị cân, thiết bị đo đạc và sổ sách quy định tại khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, bao gồm: Sản lượng khoáng sản nguyên khai, sản lượng khoáng sản đưa vào chế biến và sản lượng khoáng sản sau công đoạn chế biến theo dự án khai thác khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản có trách nhiệm kết nối, chia sẻ các dữ liệu, thông tin từ các thiết bị, hệ thống quy định tại khoản 1 Điều này với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước theo lộ trình quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 7 Điều 58 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều này.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Dữ liệu từ thiết bị cân, thiết bị đo đạc phải được truyền về máy chủ của Sở Nông nghiệp và Môi trường với tần suất không quá 01 ngày trên một lần, đảm bảo theo thứ tự thời gian. Trường hợp dữ liệu truyền bị gián đoạn thì thực hiện gửi đồng thời cả dữ liệu cũ và dữ liệu hiện tại khi có kết nối trở lại.

b) Dữ liệu cung cấp phải bảo đảm kịp thời, chính xác, không được sửa chữa và làm sai lệch dữ liệu trước hoặc trong khi truyền.

Điều 12. Lập, cập nhật, nộp và lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt

cắt hiện trạng đối với khoáng sản rắn

1. Tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản rắn phải lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; trong quá trình khai thác khoáng sản cho đến khi kết thúc khai thác khoáng sản (đóng cửa mỏ khoáng sản).

Đối với hoạt động khai thác nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên, khí đồng hành cùng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên không phải lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản.

2. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản lập 1 năm 1 lần trên cơ sở cập nhật kết quả thường xuyên, thời điểm lập, cập nhật đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm và nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có mỏ khoáng sản trước ngày 01 tháng 02 của năm tiếp theo.

3. Trên cơ sở thông tin, số liệu của bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản tính toán, xác định trữ lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác; so sánh, đánh giá biến động trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã khai thác thực tế với trữ lượng khoáng sản được phép khai thác và kết quả thăm dò khoáng sản, kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản nhóm IV đã được xác nhận (phê duyệt, công nhận); giải trình, xác định lý do có sự sai khác (nếu có).

4. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản được lưu giữ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 của Thông tư này.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản trực tiếp lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ. Trường hợp thuê tổ chức khác lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng thì tổ chức được thuê phải có đầy đủ chức năng và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

6. Tổ chức lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật cũng như cơ quan quản lý nhà nước về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, số liệu và sự phù hợp về nội dung, hình thức thể hiện trên bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng.

Điều 13. Hình thức của bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản

1. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản được lập trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục, múi chiếu phù hợp

với bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; phải bảo đảm thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành về đo vẽ bản đồ, thông tin liên quan đến các thân khoáng sản đang khai thác thuộc khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm lập;

b) Bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản phải thể hiện được khối lượng khai thác giữa các mặt cắt; các thông tin về hình thái, thế nằm và cấu trúc địa chất của các thân khoáng sản đang khai thác tại thời điểm lập;

c) Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản phải phản ánh trung thực các thông tin, số liệu thực tế tại thời điểm lập. Ký hiệu, hình thức, nội dung của các yếu tố thể hiện trên bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản phải thống nhất với các bản đồ, bản vẽ, mặt cắt trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản nhóm IV, phương án khai thác khoáng sản nhóm IV, dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt theo quy định;

d) Bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản phải bao phủ toàn bộ diện tích dự án khai thác khoáng sản.

2. Bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản có tỷ lệ 1:1.000, 1:2.000 hoặc 1:5.000. Bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản có cùng tỷ lệ hoặc lớn hơn tỷ lệ của bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản.

Điều 14. Nội dung của bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản

1. Đối với khoáng sản được khai thác bằng phương pháp lộ thiên (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này), bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về trắc địa: Đường bình độ, các điểm mốc trắc địa (điểm mốc chính, điểm mốc phụ, điểm khống chế), cao độ khu vực khai thác khoáng sản, ranh giới được phép khai thác khoáng sản, ranh giới khu vực khai thác khoáng sản trong kỳ cập nhật (nếu có), địa vật, hệ thống thủy văn, đường giao thông (hào mở vỉa, đường vận chuyển nội bộ mỏ,…);

b) Thông tin về địa chất: Các phân vị địa tầng, các đứt gãy, nếp uốn, thế nằm của thân, vỉa khoáng sản và đất, đá xung quanh. Các thông tin về địa chất phải được cập nhật, bổ sung trong quá trình khai thác (nếu có);

c) Thông tin về khoáng sản: Ranh giới thân, vỉa khoáng sản và thế nằm; các khối trữ lượng, tài nguyên, các công trình thăm dò và số hiệu; thông tin về khoáng sản (bao gồm cả khoáng sản đi kèm) theo giai đoạn thăm dò trước khai thác, thăm dò bổ sung (nếu có), quá trình khai thác; khoáng sản đi kèm (cập nhật tương tự như khoáng sản chính); vị trí lấy mẫu bổ sung (nếu có);

d) Thông tin về khu vực khai thác: Các hạng mục công trình xây dựng cơ bản mỏ, ranh giới moong khai thác, đường chân tầng, đường mép tầng đang khai thác hoặc tầng kết thúc khai thác, công trình phụ trợ, bãi chứa khoáng sản, bãi đổ đất, đá thải, hệ thống đường vận tải trong mỏ và ngoài mỏ tại thời điểm lập bản đồ hiện trạng;

2. Đối với mỏ khoáng sản ngập dưới nước, bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về trắc địa: Đường bình độ, các điểm mốc trắc địa (điểm mốc chính, điểm mốc phụ), đường đẳng sâu địa hình đáy, cao độ địa hình hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản và lân cận;

b) Thông tin về khoáng sản: Các đường đẳng chiều dày thân khoáng, các khối trữ lượng, các công trình thăm dò, vị trí đã khai thác, vị trí đang khai thác, vị trí đổ thải (nếu có).

3. Đối với mỏ khoáng sản khai thác bằng phương pháp hầm lò, bản đồ hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về trắc địa: Đường bình độ, các điểm mốc trắc địa (điểm mốc chính, điểm mốc phụ), điểm độ cao, ranh giới cấp phép khai thác khoáng sản, ranh giới khu vực khai thác khoáng sản trong kỳ cập nhật (nếu có), địa hình, địa vật, hệ thống thủy văn;

b) Thông tin về địa chất: Các phân vị địa tầng, các đứt gãy, nếp uốn, thế nằm của thân, vỉa khoáng sản và đất, đá xung quanh. Các thông tin về địa chất phải được cập nhật, bổ sung trong quá trình khai thác (nếu có);

c) Thông tin về khoáng sản: Ranh giới thân, vỉa khoáng và thế nằm; các khối trữ lượng, các công trình thăm dò và số hiệu; thông tin về khoáng sản theo giai đoạn thăm dò trước khai thác, thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác; khoáng sản đi kèm (cập nhật tương tự như khoáng sản chính); vị trí lấy mẫu bổ sung (nếu có);

d) Thông tin về khu vực khai thác: Các công trình xây dựng cơ bản mỏ; vị trí, thông số các đường lò khai thông, chuẩn bị, khai thác (giếng chính, giếng phụ, sân ga, hầm trạm, hệ thống các lò xuyên vỉa, các lò dọc vỉa vận tải, thông gió, các lò thượng, các đường lò chợ khai thác…), các công trình phụ trợ khác phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản tại thời điểm lập bản đồ hiện trạng.

4. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng quy định tại Điều này được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về đo đạc và bản đồ.

Điều 15. Nội dung bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản

1. Bản vẽ mặt cắt hiện trạng đối với khoáng sản được khai thác bằng phương pháp lộ thiên (bao gồm cả các mỏ khoáng sản ngập nước) được lập trên cơ sở các tài liệu: bình đồ phân khối tính trữ lượng, bình đồ đồng đẳng vách, trụ

lộ thân khoáng sản và mặt cắt tính trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ và được bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu hiện trạng khai thác tại thời điểm lập bản vẽ mặt cắt hiện trạng.

2. Bản vẽ mặt cắt hiện trạng phải thể hiện được đầy đủ các thông tin cơ bản gồm: đặc điểm địa chất (phân vị địa tầng, tuổi địa chất), ranh giới khu vực khai thác, các công trình thăm dò giai đoạn trước khai thác và thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác (nếu có); thân, vỉa khoáng sản (chiều dầy, thế nằm, cấu tạo, chất lượng khoáng sản) và sự thay đổi của thân, vỉa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; đất đá vây quanh thân, vỉa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm. Bản vẽ mặt cắt hiện trạng phải được thể hiện rõ trên bản đồ hiện trạng kèm theo; các thông số chiều sâu, cao độ phải được thể hiện đầy đủ và chính xác; phải có mục chú giải thể hiện bảng tính khối lượng khai thác giữa các mặt cắt trong kỳ khai thác.

3. Trường hợp tại thời điểm lập bản vẽ mặt cắt hiện trạng, vị trí khai thác (moong khai thác, lò chợ) chưa có tuyến thăm dò địa chất trước đó đi qua thì phải lập bổ sung tối thiểu 02 mặt cắt hiện trạng. Các bản vẽ mặt cắt hiện trạng (bao gồm cả mặt cắt bổ sung) phải phù hợp với các tuyến thăm dò và đi qua hết khu vực đang khai thác, các công trình thăm dò bổ sung (nếu có) tại thời điểm lập, đảm bảo thể hiện tối đa được các thông tin, số liệu về hiện trạng của hoạt động khai thác.

Điều 16. Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản; báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, thu hồi khoáng sản phải lập báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản: Được lập và nộp trước ngày 15 tháng 02 của năm liền kề sau năm báo cáo, kỳ báo cáo là năm (từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12);

b) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản khi gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản: kỳ báo cáo từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đến thời điểm đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản;

c) Báo cáo thống kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác: Được tích hợp vào báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định tại

điểm a khoản này;

d) Báo cáo kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, chuyển nhượng, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản: Được tích hợp vào báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại điểm b khoản này;

đ) Báo cáo đột xuất: Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Báo cáo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được nộp cho các cơ quan sau đây:

a) Đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm I thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[10]: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Công Thương; các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương (nơi có khoáng sản được khai thác);

b) Đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm II thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[11]: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Xây dựng; các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng (nơi có khoáng sản được khai thác);

c) Đối với giấy phép khai thác nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên; khí đồng hành cùng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên; khoáng sản nhóm I; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm I thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương;

d) Đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm III (trừ nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên; khí đồng hành cùng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên), khoáng sản nhóm IV, khoáng sản nhóm II thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng;

đ) Đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Báo cáo quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều này được nộp cho các cơ quan có thẩm quyền gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản.

4. Báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được nộp cho Sở Nông

---

[10] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[11] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

nghiệp và Môi trường.

5. Báo cáo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản hàng năm theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng để tổng hợp. Thời điểm nộp báo cáo trước ngày 01 tháng 3 hàng năm;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước gửi Thủ tướng Chính phủ trước ngày 01 tháng 6 hàng năm.

Điều 17. Điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 59, điểm n khoản 2 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản

1. Trong quá trình khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (trừ trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển), trên cơ sở kết quả thống kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đánh giá, so sánh tổng trữ lượng, khối lượng khoáng sản thực tế trong khu vực khai thác so với trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Trường hợp có khả năng tổng trữ lượng, khối lượng khoáng sản thực tế trong khu vực khai thác lớn hơn trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản và tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có nhu cầu tiếp tục khai thác phần trữ lượng tăng thêm thì phải thực hiện thủ tục điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định.

2. Trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhưng chưa hoàn thành thủ tục điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì tổ chức, cá nhân phải dừng hoạt động khai thác, kể cả trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn thời hạn khai thác.

3. Tổ chức, cá nhân chỉ được tiếp tục khai thác phần trữ lượng, khối lượng khoáng sản tăng thêm sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để bổ sung trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép

khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản và chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản[12]

1. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 108 của Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định hồ sơ (được gọi chung là hội đồng thẩm định) trong trường hợp cần thiết trước khi quyết định việc cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh hoặc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp phép; chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp phép và trước pháp luật về kết quả thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng thẩm định, giữa Hội đồng thẩm định với chủ dự án, cơ sở theo hình thức tổ chức phiên họp chính thức và các phiên họp chuyên đề do Chủ tịch Hội đồng quyết định trong trường hợp cần thiết.

3. Phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có sự tham gia tại phiên họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) từ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên hội đồng thẩm định trở lên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền (sau đây gọi chung là người Chủ trì phiên họp), ủy viên thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện;

b) Có người đại diện pháp luật của chủ dự án, cơ sở.

4. Thành viên hội đồng thẩm định tham gia phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định có trách nhiệm viết Phiếu thẩm định. Thành viên hội đồng thẩm định vắng mặt không viết phiếu thẩm định, được gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của hội đồng.

5. Đại biểu tham gia phiên họp của hội đồng thẩm định do cơ quan thẩm định quyết định tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 67 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các phiên họp của hội đồng thẩm định, chịu sự điều hành của người chủ trì phiên họp, được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

6. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng thẩm định và ủy viên thư ký hội đồng

---

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

thẩm định là công chức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Người chủ trì phiên họp và ủy viên thư ký hội đồng có trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng thẩm định.

7. Thành viên hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ và nội dung, công việc được chủ tịch hội đồng phân công trong quá trình thẩm định; được cung cấp tài liệu họp ít nhất 03 ngày trước phiên họp của hội đồng thẩm định; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

8. Kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Khi tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Không thông qua: Khi có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên hội đồng thẩm định tham dự có phiếu thẩm định không thông qua;

c) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

9. Mẫu Phiếu thẩm định, Bản nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định trong quá trình thành lập Hội đồng.

Chương IV
MẪU VĂN BẢN, TÀI LIỆU TRONG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN, THU HỒI KHOÁNG SẢN

Điều 19. Mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ về khảo sát, đánh giá khoáng sản nhóm IV

1. Mẫu văn bản đề nghị trong hồ sơ về khảo sát, đánh giá khoáng sản nhóm IV được thực hiện như sau:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Bản đồ trong hồ sơ về khảo sát, đánh giá khoáng sản nhóm IV được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Mẫu văn bản chấp thuận, văn bản xác nhận trong khai thác khoáng sản nhóm IV được thực hiện như sau:

a) Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông

tư này;

b) Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 04 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 05 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20. Mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản

1. Mẫu văn bản đề nghị trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III được lập theo mẫu số 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 02 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 03 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III được lập theo mẫu số 04 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 05 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 06 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III được lập theo mẫu số 07 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 08 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

k) Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 10 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

l) Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 11 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

m) Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III được lập theo mẫu số 12 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

n) Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 13 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[13] được lập theo mẫu số 14 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 15 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 16 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[14] được lập theo mẫu số 17 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 18 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) được lập theo mẫu số 19 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[15] được lập theo mẫu số 20 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 21 của

---

[13] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[14] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[15] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[16] được lập theo mẫu số 22 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

k) Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 23 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

l) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng) được lập theo mẫu số 24 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Mẫu quyết định điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[17] được lập theo mẫu số 25 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản nhóm IV) được lập theo mẫu số 26 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 26 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 28 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[18] được lập theo mẫu số 29 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 30 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

---

[16] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[17] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[18] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

được lập theo mẫu số 31 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 32 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[19] được lập theo mẫu số 33 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

k) Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 34 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

3a.[20] Văn bản thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp quy định tại Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo mẫu số 34a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Bản đồ, bản vẽ được lập theo mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản đồ được thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia hoặc trích lục từ nền bản đồ địa hình quốc gia, hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục trung ương;

c) Tỷ lệ bản đồ, bản vẽ không nhỏ hơn 1:5.000 đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km^2, không nhỏ hơn 1:10.000 đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km^2 đến dưới 2 km^2, không nhỏ hơn 1:25.000 đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2, không nhỏ hơn 1:50.000 đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên;

5. Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 36 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6.[21] Mẫu phương án được thực hiện như sau:

a) Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 37 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

---

[19] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

b) Phương án về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo mẫu số 38 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương án khai thác khoáng sản và sử dụng khoáng sản đi kèm theo quy định tại điểm c khoản 8a Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm h khoản 23 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo mẫu số 39 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản và so sánh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20a. Mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản[22]

1. Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được lập theo mẫu số 01 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được lập theo mẫu số 02 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được lập theo mẫu số 03 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 04 Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 21. Mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Mẫu văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản được thực hiện như sau:

a)[23] Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 9 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm a khoản 7

[22] Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[23] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản được lập theo mẫu số 02 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản được lập theo mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

d)[24] Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo mẫu số 3a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 04 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Mẫu Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được lập theo mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Mẫu văn bản, tài liệu trong quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản

1. Mẫu văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 01 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản thông báo ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 02 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu sổ sách theo dõi sản lượng, chất lượng khoáng sản khai thác được được thực hiện như sau:

---

[24] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

a) Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai, khối lượng đất đá thải (nếu có), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản sau chế biến được lập theo mẫu số 03 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sổ theo dõi hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác, trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến theo dự án khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 04 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản được lập theo mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Mẫu báo cáo trong quản lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III được lập theo mẫu số 05 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV được lập theo mẫu số 06 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản được lập theo mẫu số 07 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản được lập theo mẫu số 08 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được lập theo mẫu số 09 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước được lập theo mẫu số 10 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

g)[25] Báo cáo định kỳ về sản lượng khai thác, sản lượng chế biến, sản phẩm tinh luyện đối với khoáng sản đất hiếm được lập theo mẫu số 11 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

h)[26] Báo cáo thu hồi, sử dụng khoáng sản theo quy định tại khoản 10 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP được lập theo mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[25] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[26] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[27]

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ và mẫu các văn bản trong hồ sơ khai thác khoáng sản đã được lập theo các mẫu trước đây vẫn có hiệu lực pháp lý.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành xong việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; trừ thủ tục xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

---

[27] Điều 22 và Điều 23 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

"***Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại các Thông tư số: 36/2025/TT-BNNMT, 37/2025/TT-BNNMT, 39/2025/TT-BNNMT, 40/2025/TT-BNNMT và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì được thực hiện theo quy định tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính và có nội dung không phù hợp với quy định tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phân công, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chấm dứt hiệu lực thi hành các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 51/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung thanh tra chuyên ngành khoáng sản;

b) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

d) Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

đ) Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 23 của Thông tư này.

Điều 25. Trách nhiệm thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 63 /VBHN-BNNMT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, PC, ĐCKS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Đặng Ngọc Điệp

Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN, TÀI LIỆU TRONG KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV[28]

(Kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01[29]	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 02	Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 03[30]	Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 04	Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 05	Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

[28] Phụ lục I Mẫu văn bản, tài liệu trong khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[29] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 01 Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[30] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 03 Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh ....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)…….

……(*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại:……

Điện thoại:..... Fax:……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp; hoặc Căn cước công dân[31] số ..... cấp ngày…... tháng..... năm.....

Là nhà thầu thi công (hoặc chủ đầu tư, nhà đầu tư)[32] ……..(*Tên dự án, công trình, nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản*)……

Đề nghị được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… với các nội dung như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: …….. (*diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*)…….. (có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa: .....(*chiều dài lộ trình*).....km lộ trình.

3.2. Thi công công trình: .....(*Liệt kê tên công trình, khối lượng*).....

[31] Áp dụng đối với cá nhân.

[32] Chỉ áp dụng đối với nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

3.3. Công tác mẫu: .....(*số lượng, chủng loại mẫu*).....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)……..

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)…….

Trụ sở tại:……

Điện thoại:.....Fax:……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp; hoặc Căn cước công dân[33] số ..... cấp ngày…... tháng..... năm.....

Căn cứ Văn bản số ……. ngày ..... tháng ….. năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản ……(*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)……

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)……. đề nghị được xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)…… với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, diện tích khu vực khảo sát: ……(*tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*)……..;

2. Khối lượng, chất lượng khoáng sản tại khu vực khảo sát, đánh giá:.....

Có báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản ……(*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... kèm theo

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)…… cam kết các số liệu, thông tin trong báo cáo là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với các nội dung, thông tin, số liệu trong báo cáo khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …(*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực .....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[33] Áp dụng đối với cá nhân.

Mẫu số 03: Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) …… **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (THÀNH PHỐ) ……** Số:...../TB-…….	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Địa danh....., ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
Về việc chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực .....

Kính gửi: ..... *(tên tổ chức, cá nhân)*.....

- Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số ……../2025/NĐ-CP ngày …. tháng …. năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Căn cứ Thông tư số … /2025/TT-BNNMT ngày … tháng …… năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Xét đề nghị của …..(*tên tổ chức, cá nhân*)….. tại văn bản đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……;

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) …… chấp thuận …..(*tên tổ chức, cá nhân*)….. được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: …….. (*diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*)…….. (có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa: .....(*chiều dài lộ trình*).....km lộ trình

3.2. Thi công công trình: .....(*khối lượng (m, m^3)/số công trình*).....

3.3. Công tác mẫu: .....(*số lượng, chủng loại mẫu*).....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung khảo sát, đánh giá quy định tại Điều 5 của Thông tư số …../2025/TT-BNNMT ngày …. tháng …. năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực của các nội dung, thông tin, số liệu khảo sát, đánh giá.

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân .....(*Tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)..... trước khi thực hiện việc khảo sát, đánh giá./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)…;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)… (để báo cáo);
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND …*(Tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)….

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04: Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) …… **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (THÀNH PHỐ)……**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../XN-…….	

Địa danh, ngày... tháng... năm...

XÁC NHẬN
Kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực .....

Kính gửi: ..... *(tên tổ chức, cá nhân)*.....

- Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số ……../2025/NĐ-CP ngày …. tháng …. năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Căn cứ Thông tư số … /2025/TT-BNNMT ngày … tháng …… năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Xét đề nghị của …..(*tên tổ chức, cá nhân*)….. tại văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……;

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) …… xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… với các nội dung chính như sau:

1. Tên báo cáo: ……...

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, đánh giá: ……

3. Tên loại khoáng sản: .....(*ghi theo tên khoáng sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Luật Địa chất và khoáng sản*).....

4. Khối lượng: ……. m^3

5. Chất lượng khoáng sản:.....(*khoáng sản đáp ứng chất lượng làm.....*).....

6. Diện tích khu vực xác định khối lượng khoáng sản:..... (ha, m^2, km^2)

được giới hạn bởi các điểm góc …… có toạ độ xác định theo Phụ lục kèm theo Bản xác nhận này.

7. Chiều sâu xác định khối lượng: từ mức …. (m) đến mức ... (m).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)…… được sử dụng các thông tin, số liệu này cho hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)…;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)… (để báo cáo);
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND *...(tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)….

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ) ….

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC
Xác định khối lượng khoáng sản
…….. (*tên khoáng sản nhóm IV***) ..... tại khu vực .....**

(Kèm theo Giấy xác nhận số …… /XN-…… ngày ... tháng ... năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)……)

TT	**Tên điểm góc**	**Hệ VN-2000** Kinh tuyến trục …, múi chiếu…	
		X(m)	**Y**(m)
1			
2			
3			

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ) ….

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC
Xác định khối lượng khoáng sản
…….. (*tên khoáng sản nhóm IV***) ..... tại khu vực .....**

(Kèm theo Giấy xác nhận số …… /XN-…… ngày ... tháng ... năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)……)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 05: Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG

đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) .....

tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Địa danh, tháng... năm...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tác giả:……..

Chủ biên: ……..

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG

đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) .....

tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**ĐƠN VỊ TƯ VẤN/TÁC GIẢ**
(ký tên, đóng dấu)	*(nếu có)*
	(ký tên, đóng dấu)

Địa danh, tháng…….. năm……..

NỘI DUNG BÁO CÁO

PHẦN MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.

- Chủ đầu tư; đơn vị tư vấn (nếu có).

- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác khảo sát, thời gian thực hiện.

- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, khối lượng đạt được.

CHƯƠNG 1
KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC KHẢO SÁT

- Vị trí hành chính và địa lý của khu vực khảo sát, ranh giới và diện tích khảo sát, đánh giá;

- Khái quát về địa hình, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa; điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.

- Khái quát công tác nghiên cứu, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò hoặc khai thác khoáng sản đã tiến hành trước đây (nếu có).

- Đặc điểm địa chất chung của vùng, đặc điểm địa chất khu vực khảo sát.

CHƯƠNG 2
PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG ĐÃ THỰC HIỆN

1. Công tác trắc địa

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung kỹ thuật, khối lượng từng hạng mục thực hiện và kết quả đạt được.

- Các sản phẩm: File gốc đo, sổ đo nguyên thủy các loại, phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc; bảng tính toán tổng hợp, bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình.

2. Công tác địa chất:

2.1. Lộ trình địa chất (nếu có)

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành đã thực hiện trên thực tế, kết quả đạt được và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Các loại tài liệu nguyên thủy về nhật ký địa chất, bản đồ hành trình kèm theo và ảnh chụp vết lộ quan trọng.

2.2. Thi công công trình khảo sát, đánh giá

- Công trình khai đào (vết lộ, hố, hào): Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; quy cách kỹ thuật áp dụng; đánh giá kết quả, hiệu quả từng loại công trình; số lượng và khối lượng đã thực hiện.

- Công trình khoan: Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí, mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua tầng sản phẩm; đánh giá hiệu quả công trình khoan; số lượng và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Sổ nguyên thủy tổng hợp các công trình đã thực hiện; thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào); sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; nhật ký khoan (sổ khoan); thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; ảnh chụp công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

2.3. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

- Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, cách thức thực hiện và khối lượng cụ thể của từng loại mẫu; các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng gồm:

+ Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng đã thực hiện (quá trình này phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

+ Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

+ Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

+ Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán và đánh giá sai số.

- Đánh giá khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính khối lượng khoáng sản.

- Các sản phẩm: Các loại sổ nguyên thủy về công tác lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu; phiếu gửi mẫu; phiếu chứng nhận kết quả phân tích mẫu.

2.4. Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình (nếu có)

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT; quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm) và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Các loại sổ nguyên thủy liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; sổ lấy mẫu cơ lý đất...).

3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng

Nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của những nội dung thay đổi so

với văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (nếu có).

CHƯƠNG 3

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ CÔNG TÁC TÍNH KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Đánh giá về chất lượng, khả năng sử dụng khoáng sản.

- Đánh giá về đặc điểm ĐCTV - ĐCCT và điều kiện khai thác mỏ (nếu có).

- Phương pháp tính khối lượng khoáng sản.

- Khối lượng ….(m^3).

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã thực hiện.

- Kết quả chính đạt được về chất lượng, tính chất, khả năng sử dụng và khối lượng khoáng sản).

Phụ lục: CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Danh sách các bản đồ, bản vẽ

TT	Số ký hiệu[34]	Tên bản vẽ[35]	Số tờ
1		Bản đồ địa hình và khu vực khảo sát, đánh giá, tỷ lệ 1:2.000	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu khảo sát, đánh giá, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	

2. Danh sách các hồ sơ, tài liệu

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác trắc địa.
- Các tài liệu nguyên thủy.
- Các tài liệu liên quan đến công tác mẫu.

[34] Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu.

[35] Nội dung bản đồ, bản vẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN, TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ CẤP, GIA HẠN, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH, TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, QUYỀN KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN[36]

(Kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01[37]	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III
Mẫu số 02[38]	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 03[39]	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 07[40]	Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác

[36] Phụ lục II Mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[37] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 01 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[38] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 02 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[39] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 03 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[40] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 07 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể

	khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III
Mẫu số 08[41]	Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản
Mẫu số 09[42]	Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 10[43]	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản
Mẫu số 11[44]	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 12	Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III
Mẫu số 13	Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 14[45]	Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 15[46]	Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 16[47]	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

---

từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[41] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 08 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[42] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 09 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[43] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 10 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[44] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 11 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[45] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 14 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[46] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 15 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

Mẫu số 17[48]	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 18[49]	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 19	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn)
Mẫu số 20[50]	Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 21[51]	Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 22[52]	Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 23[53]	Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 24[54]	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng)

[47] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 16 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[48] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 17 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[49] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 18 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[50] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 20 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[51] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 21 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[52] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 22 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[53] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 23 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[54] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 24 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo

Mẫu số 25[55]	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 26[56]	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản nhóm IV)
Mẫu số 27[57]	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản
Mẫu số 28[58]	Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 29	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[59]
Mẫu số 30	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 31	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

---

Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[55] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 25 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[56] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 26 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[57] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 27 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[58] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 28 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[59] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

	nhóm IV
Mẫu số 32	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 33	Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[60]
Mẫu số 34	Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 34a[61]	Văn bản thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp quy định tại Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP
Mẫu số 35[62]	Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 36	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (áp dụng cho trường hợp gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản)
Mẫu số 37	Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 38[63]	Phương án về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường theo quy

[60] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[61] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 34a Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[62] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 35 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[63] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 38 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

	định tại khoản 5 Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP
Mẫu số 39[64]	Phương án khai thác khoáng sản và sử dụng khoáng sản đi kèm theo quy định tại điểm c khoản 8a Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm h khoản 23 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP
Mẫu số 40[65]	Phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản và so sánh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

[64] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 39 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[65] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 40 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày …… tháng …… năm ……

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: …. *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)* ……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại:……

Điện thoại: …… Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày …… tháng …… năm …… do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) ……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*) …… cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản …… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… đã được …… (*cơ quan phê duyệt*) …… phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số …… ngày …… tháng …… năm ……

Trữ lượng (khối lượng[66])…… (*tên khoáng sản*) …… được công nhận (phê duyệt, xác nhận): …… khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có) (tấn, m^3, ……).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản …… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác[67]:…… (tấn, m^3, …), trong đó:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, …);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): …… (tấn, m^3, …).

2. Phương pháp khai thác: …… (Lộ thiên, hầm lò, khác).

---

[66] Chỉ áp dụng trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

[67] Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

3. Công suất khai thác tối đa[68]:…… (tấn, m^3,...)/năm;

4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2);

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

5. Thời hạn khai thác: …… năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là: …… năm (tháng).

6. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản[69]:……

…… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… cam kết về tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thông tin, số liệu nêu trên và thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./..

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[68] "Lưu lượng khai thác tối đa là: … m^3/ngày" áp dụng đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

[69] Ghi rõ tên dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III theo quy định tại khoản 1b Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của ……)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn**
Hn	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại:……

Điện thoại: …… Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) …… cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*) …… cấp.

Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) …… (*tên khoáng sản nhóm IV*) …… tại …… thuộc …… (*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)…… đã được …… (*cơ quan phê duyệt*) …… phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số …… ngày …… tháng …… năm ……

Khối lượng (hoặc trữ lượng) …… (*tên khoáng sản*) …… được công nhận (phê duyệt, xác nhận): ……(tấn, m^3, ……).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản …. (*tên khoáng sản nhóm IV*) …… tại khu vực (mỏ)…… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Khối lượng (hoặc trữ lượng) khoáng sản khai thác: …… (tấn, m^3, ……).

2. Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên,...

3. Công suất khai thác tối đa: …… (tấn, m^3, ……)/năm.

4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

5. Thời hạn khai thác: …… năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là: …… năm (tháng).

6. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản[70]:……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[70] Ghi rõ tên dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày… tháng… năm…)

1. Trường hợp không có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** (m)		

2. Ngoài Bảng 1 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 2 trong trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			

Điểm góc khu vực không	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không**
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 03: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày …… tháng …… năm ……

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại:……

Điện thoại: …… …… Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) ……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*) …… cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản …… (*tên khoáng sản*) …… tại bãi thải …… của khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Khối lượng khoáng sản đề nghị được khai thác: …… (tấn, m^3, ……).

2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên, hầm lò, khác.

3. Công suất khai thác tối đa: …… (tấn, m^3, ……)/năm.

4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

5. Thời hạn khai thác: …… năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là: …… năm (tháng).

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày …… tháng …… năm ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

Mẫu số 04: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày… tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ……..(*Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*) .....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Được ……..(*Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*) ..... cho phép khai thác ..... (*tên khoáng sản*[71])……. tại ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)…… theo giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: ..... (tấn, m^3,...)[72], trong đó:

a) Khoáng sản chính: .....(tấn, m^3,...);

b) Khoáng sản đi kèm: .....(tấn, m^3,...).

2. Trữ lượng khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: …..... (tấn, m^3,...)[73], trong đó:

a) Khoáng sản chính: .....(tấn, m^3,...);

b) Khoáng sản đi kèm: .....(tấn, m^3,...).

3. Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: .....(*số năm khai thác*)…… năm, đến ngày ……. tháng ..... năm .....

Lý do đề nghị gia hạn: .....

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[71] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[72] "Lưu lượng được phép khai thác tối đa là: … m^3/ngày" áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

[73] Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

Mẫu số 05: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Được ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cho phép khai thác ..... (*tên khoáng sản*[74])……. tại ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)…… theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ..... (tấn, m^3,...).

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: …..... (tấn, m^3,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: .....(*số năm khai thác*)…… năm, đến ngày ……. tháng ..... năm .....

Lý do đề nghị gia hạn: .....

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[74] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 06: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*)…….

Trụ sở tại:……

Điện thoại:..... Fax:……

Được ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cho phép khai thác tận thu .....(*tên khoáng sản*) ..... tại bãi thải.... của khu vực ……(*tên mỏ*)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m^3,...).

Khối lượng còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn:..... (tấn, m^3,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: .....(*số năm khai thác*)…… năm, đến ngày ... tháng ... năm...

Lý do đề nghị gia hạn.....

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo)

……..(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07: Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày …… tháng …… năm ……

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI) GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: …(*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)…

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại:……

Điện thoại: …… …… …… Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) …… cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số …… ngày …... tháng …… năm …… do …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*) …… cấp.

Được …… (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*) …… cho phép khai thác …… (*tên khoáng sản*[75]) …… tại …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… theo Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm ……

Trữ lượng (khối lượng[76])…… (*tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm*) …… được công nhận (phê duyệt, xác nhận): …… (tấn, m^3, ……), trong đó:

Trữ lượng (khối lượng) đã khai thác (*tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm*): …… (tấn, m^3, ……);

Trữ lượng (khối lượng) còn lại chưa khai thác (*tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm*): …… (tấn, m^3, ……);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản …. (*tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm*) …… tại khu vực …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

---

[75] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[76] Chỉ áp dụng trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

2. Phương pháp khai thác: …… (Lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Công suất khai thác tối đa:..... (tấn, m^3,...)/năm;

4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

(Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

5. Thời hạn khai thác: …… năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là: …… năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi[77]: …….

* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau[78]:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh: ……

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh): ……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[77] Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

[78] Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm ……)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Ngoài Bảng 1 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 2 trong trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với
	2			
	...			

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** Giấy phép số…)
	m			
……..	…..	…..	……..	…….
Hn	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	k			

3. Ngoài Bảng 1 và Bảng 2 nêu trên, cần bổ sung chi tiết Bảng 3 trong trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác như sau:

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 08: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ….. (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại: ……

Điện thoại: ……Fax: ……

Được …… (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*) …… cho phép khai thác …… (*tên khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm*[79]) …… tại …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… theo Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm ……

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên như sau:

- …… (*nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp*) ……;

- …… (*nội dung đề nghị điều chỉnh*) ……;

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác[80]:

- Diện tích khu vực đã được cấp phép khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

- Diện tích đề nghị trả lại: …… (ha, m^2, km^2).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh: ……..

……

* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau[81]:

- Thời gian đề nghị gia hạn: ……

- Lý do gia hạn: ……

[79] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.
[80] Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.
[81] Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI, KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN[82]

(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm ……)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu ...)	
	X (m)	**Y** (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất ..... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** ..... (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa khu vực tiếp tục khai thác với các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu

[82] Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt**
	2			vực chồng lẩn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….
Hn	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 09: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ….. (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại:……

Điện thoại: …… Fax: ……

Được ……(*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)…… cho phép khai thác tận thu …… (*tên khoáng sản*[83]) ……. tại bãi thải …… của khu vực …… (*tên mỏ*) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm ……

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nêu trên như sau:

- …… (*nội dung theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã cấp*) ……;

- …… (*nội dung đề nghị điều chỉnh*) ……;

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác[84]:

- Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

- Diện tích đề nghị trả lại: …… (ha, m^2, km^2).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh: ……

……

* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau[85]:

---

[83] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.
[84] Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.
[85] Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác tận thu

- Thời gian đề nghị gia hạn: ……

- Lý do gia hạn: ……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

---

khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI, KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN[86]

(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản ngày …… tháng …… năm ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác tận thu khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất ... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** ... (m)		

[86] Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 10: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh……, ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ….. (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại: ……

Điện thoại: ……, Fax …… …

Được ….. (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*) …… cho phép khai thác …… (*tên khoáng sản*[87]) …… tại …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… theo Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm ……

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại: ……

……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[87] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 11: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh……, ngày …… tháng …… năm ……

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …….

(*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại: ……

Điện thoại: ……, Fax …… …

Được …… (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*) …… cho phép khai thác tận thu …… (*tên khoáng sản*[88]) …… tại bãi thải …… của khu vực (mỏ)…… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm ……

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại: ……

……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[88] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 12: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ….. (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*)……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)…….....

Trụ sở tại:……

Điện thoại:..... Fax:……

Được ….. (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*)…… cho phép khai thác khoáng sản ……(*tên khoáng sản*)…….. theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày .... tháng ..... năm ..... tại khu vực …… mỏ ..... (*tên mỏ*[89])……. thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

….. (*Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày….. tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày….. tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

…….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (*Ký tên, đóng dấu*)	**Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng** *(Ký tên, đóng dấu*)

[89] Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 13: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)……..

…… (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)…….....

Trụ sở tại:……

Điện thoại:..... Fax:……

Được ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cho phép khai thác tận thu ..... (*tên khoáng sản*[90])……. tại bãi thải.... của khu vực ……(*tên mỏ*)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản cho:

….. (*Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày….. tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày….. tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

…….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (*Ký tên, đóng dấu*)	**Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng** *(Ký tên, đóng dấu*)

[90] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 14: Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-BNNMT	
	Địa danh....., ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số … /2025/NĐ-CP ngày …… tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-TTg ngày ngày …… tháng …… năm …… của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch ……

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .... tại Văn bản số …… ngày …… tháng …… năm ……;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại ……;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..... cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) ....thuộc ..... của .....[91]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BNNMT ngày …… tháng …… năm ……

---

[91] Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) ……*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-TTg ngày …… tháng ……năm …… của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản[92]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BNNMT ngày …… tháng ……năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ …… (tên mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) ……[93]*;*

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày…… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

a) …… (*tên khoáng sản chính*) ……;

b) …… (*tên khoáng sản đi kèm*) …….

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: …… (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2);

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[94] kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): … (tấn, m^3).

---

[92] Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

[93] Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

[94] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

5. Công suất khai thác tối đa[95]:…… (tấn, m^3/năm);

6. Thời hạn khai thác: ……

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần ràng buộc thêm điều kiện khi cấp phép) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố) ……..
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

[95] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….
Hn	1			Diện tích khu

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn** vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 15: Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-UBND	
	Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-TTg ngày ngày …… tháng …… năm …… của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh (thành phố) …….

Căn cứ văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án (công trình)[96]*……(nếu có);*

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh….;[97]

Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản đề nghị khai thác (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại ……;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số …… ngày …… tháng …… năm …… của …… cấp cho Dự

[96] Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho các nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án, công trình quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

[97] Đối với giấy phép cấp tại khu vực nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

án đầu tư khai thác …… tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… của ……[98]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-…… ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan phê duyệt*) *…… về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc ……* (*tên cấp xã*) *……, ……* (*tên cấp tỉnh*) *……*[99]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan phê duyệt*) *…… về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản*[100]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng ……năm …… của …… (*Tên cơ quan phê duyệt*) *…… về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ …… (tên mỏ) …… thuộc ……* (*tên cấp xã*) *……, ……* (*tên cấp tỉnh*) *……*[101]*;*

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

a) …… (*tên khoáng sản chính*) ……;

b) …… (*tên khoáng sản đi kèm*) …….

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: …… (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II [102]kèm theo giấy phép này.

---

[98] Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

[99] Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

[100] Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

[101] Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

[102] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép khai thác[103]:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3).

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): …… (tấn, m^3).

5. Công suất khai thác tối đa[104]:…… (tấn, m^3/năm);

6. Thời hạn khai thác: ……

7. Thời gian khai thác[105]:

a) Trong ngày: Từ …… đến ……

b) Trong năm: Từ tháng …… đến tháng ……

8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản[106]: ……

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển[107].

4. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần ràng buộc thêm điều kiện khi cấp phép) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Ủy ban nhân dân ……(*Tên cấp xã*)……
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

---

[103] Là "Khối lượng khoáng sản được phép khai thác" áp dụng đối với khoáng sản nhóm IV và không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

[104] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là "Lưu lượng khai thác tối đa là: … m^3/ngày".

[105] Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.

[106] Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

[107] Chỉ áp dụng đối với các giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) …… Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ……)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….
Hn	1			Diện tích khu

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn**
	2			vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 16: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../GP-.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..... cấp cho Dự án đầu tư khai thác ... tại khu vực (mỏ) ....thuộc ..... của .....[108]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan phê duyệt*) *…… về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc ……* (*tên cấp xã*) *……, ……* (*tên cấp tỉnh*) *……;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan phê duyệt*) *…… về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản*[109]*;*

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm ……

---

[108] Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

[109] Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

của …… (Tên cơ quan phê duyệt)…… về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… (tên khu vực hoặc mỏ) …… thuộc …… (tên cấp xã) ……., …… (tên cấp tỉnh)……[110]*;*

Căn cứ quyết định số …… ngày …… của …… về việc đóng cửa mỏ khoáng sản …… (tên khoáng sản) …… tại khu vực …… thuộc …… (tên cấp xã) ……, …… (tên cấp tỉnh) ……;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày…… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… khai thác tận thu khoáng sản …… tại bãi thải …… của khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác: ……. (*tên khoáng sản*) …….

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên, hầm lò, khác...

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác thấp nhất: …… (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[111] kèm theo giấy phép này.

5. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

6. Công suất khai thác tối đa[112]: …… (tấn, m^3/năm);

7. Thời hạn khai thác: . ……

8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản[113]:… …

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

---

[110] Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

[111] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[112] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

[113] Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Các yêu cầu cần thiết khác (không được quy định trong quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản hoặc pháp luật khác có liên quan) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) …… Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số …… /GP-UBND ngày …… tháng …… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .... (m)		

Mẫu số 17: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:...../GP-BNNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số ……/2025/NĐ-CP ngày …… tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …… tại Văn bản số …… ngày …… tháng ……năm ……;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của …… (tên tổ chức, cá nhân) …… ngày …… tháng …… năm ……;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… để …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… được tiếp tục khai thác …… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… đến ngày …… tháng …… năm …….

Điều 2. …… *(tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí

có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố) ……..
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) …	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../GP-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh ....., ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm …… của …… (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép) ……;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của …… (tên tổ chức, cá nhân) …… ngày …… tháng …… năm ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm …… để …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… được tiếp tục khai thác …… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực (mỏ) …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… đến ngày …… tháng …… năm ……

Điều 2. …… *(tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm ……

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm ……

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép*) ……/.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Các Sở, ngành liên quan (bản sao);
- UBND……(*Tên cấp xã*)… (bản sao).

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 19: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../GP-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... của .....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày….. tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... tháng .... năm .... để …….*(Tên tổ chức, cá nhân).....* được tiếp tục khai thác ….(*tên khoáng sản*) ..... tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… đến ngày … tháng … năm …

Điều 2. ….*(tên tổ chức, cá nhân).....* có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác khối lượng khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ... tháng ... năm ...

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ... tháng ... năm .....

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ... tháng ... năm ... của ……../.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 20: Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:...../GP-BNNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh…., ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Cấp lại hoặc cấp đổi)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số ……/2025/NĐ-CP ngày …… tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại ……;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..... cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) ....thuộc ..... của .....[114]*;*

Căn cứ Quyết định số …… ngày …… tháng …… năm …… của …… về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (tên cấp xã) ……, …… (tên cấp tỉnh)……;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng ……

[114] Chỉ áp dụng đối với trường hợp Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

năm …… của ……;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) ……. (*tên khoáng sản chính*)…….;

b) ……. (*tên khoáng sản đi kèm*)……..

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: …… (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[115] kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ……:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

5. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính:…… (tấn, m^3);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): …… (tấn, m^3).

6. Công suất khai thác tối đa[116]: …… …… (tấn, m^3/năm).

7. Thời hạn khai thác: ……

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

---

[115] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[116] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần ràng buộc thêm điều kiện khi cấp phép) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số…./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) số ……/GP-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn**
Hn	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 21: Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)…	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-UBND	
	Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Cấp lại hoặc Cấp đổi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại .....;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..... cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) ....thuộc ..... của .....;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày .... tháng ……năm .... của ……(Tên cơ quan phê duyệt)…… về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)…… thuộc ……(tên cấp xã)……..., ……(tên cấp tỉnh)……;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày….. tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ……..*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) …….(*tên khoáng sản chính*)…….;

b) …….(*tên khoáng sản đi kèm*)……..

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: .....(lộ thiên, hầm lò....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu khai thác: từ …… (m) đến ……. (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số…….:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m^3,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m^3,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác[117]:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng): ……..…..(tấn, m^3).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có): …….…..(tấn, m^3).

6. Công suất khai thác tối đa[118]:……..…..(tấn, m^3/năm).

7. Thời hạn khai thác: .....

8. Thời gian khai thác[119]:

a) Trong ngày: từ …… đến ……

b) Trong năm: từ tháng …… đến tháng ……

Điều 2. ……*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.[120]

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[117] Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

[118] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là "Lưu lượng khai thác tối đa là: … m^3/ngày".

[119] Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

[120] Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)… Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất (m)**		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	**Điểm góc**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích (ha, m^2, km^2)**
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)……)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 22: Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-BNNMT	

Địa danh……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số ……/2025/NĐ-CP ngày …… tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …… tại Văn bản số …… ngày …… tháng …… năm ……;

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của …… ký với ……;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)* …… khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) …… (*tên khoáng sản chính*) ……;

b) …… (*tên khoáng sản đi kèm*) …….

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: …… (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2);

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến ……. (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[121] kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ……:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

5. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính:……..…..(tấn, m^3).

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): …… (tấn, m^3).

6. Công suất khai thác tối đa[122]:…… (tấn, m^3/năm);

7. Thời hạn khai thác: ……

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần quy định thêm điều kiện khi chuyển nhượng) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số……/.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)…….
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

[121] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[122] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số ……/GP-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn**
Hn	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 23: Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-UBND	

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……;

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của …… ký với ……;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)* …… khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a) ……. (*tên khoáng sản chính*) ……;

b) ……. (*tên khoáng sản đi kèm*) …….

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: …… (lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2);

b) Mức sâu khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[123] kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số…….:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

5. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản được phép tiếp tục khai thác[124]:

a) Khoáng sản chính: ……..…..(tấn, m^3);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): ……..…..(tấn, m^3).

6. Công suất khai thác tối đa[125]: …… (tấn, m^3/năm);

7. Thời hạn khai thác: ……

8. Thời gian khai thác[126]:

a) Trong ngày: Từ …… đến ……

b) Trong năm: Từ tháng …… đến tháng ……

9. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản[127]: ……

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển[128].

---

[123] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[124] Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

[125] Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là "Lưu lượng khai thác tối đa là: … m^3/ngày"

[126] Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.

[127] Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

[128] Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

4. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần quy định thêm điều kiện khi chuyển nhượng) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác khoáng sản số……./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) …… Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số ……/GP-UBND ngày …… tháng…… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .....(m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .....(m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu thấp nhất khu vực chồng lấn (m)	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn theo bề mặt** (ha, m^2, km^2)
		X (m)	**Y** (m)	
H1	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 1 (chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	n			
H2	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ 2 chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	m			
……..	…..	…..	……..	…….

Mức sâu thấp nhất khu vực	**Điểm góc khu vực chồng lấn**	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích chồng lấn**
Hn	1			Diện tích khu vực chồng lấn thứ n chồng lấn với Giấy phép số…)
	2			
	...			
	k			

3. Trường hợp có diện tích khu vực không được phép khai thác nằm trong diện tích khu vực được phép khai thác

Điểm góc khu vực không được phép khai thác	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*		**Diện tích khu vực không được phép khai thác** (ha, m^2, km^2)
	X (m)	**Y** (m)	
1			
2			
...			
n			
1			
2			
...			
m			
…..	…..	……..	

Mẫu số 24: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Chuyển nhượng)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../GP-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số …… ngày ……. tháng …… năm …… của ……;

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của …… ký với ……;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân chuyển nhượng) ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép …… *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)* …… khai thác tận thu khoáng sản tại bãi thải ……của khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản: ……

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên, hầm lò, khác.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: …… (ha, m^2, km^2);

b) Mức sâu khai thác: Từ ……. (m) đến …… (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[129] kèm theo giấy phép này.

4. Khối lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm ……:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

5. Khối lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính: …… (tấn, m^3, ……);

b) Khoáng sản đi kèm: …… (tấn, m^3, ……).

6. Công suất khai thác tối đa:…… (tấn, m^3, ……)/năm;

7. Thời hạn khai thác: ..... năm..... tháng.

8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản[130]: ……

Điều 2. …… *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các yêu cầu cần thiết khác (trường hợp cần quy định thêm điều kiện khi chuyển nhượng) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ……/.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[129] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[130] Ghi rõ tên dự án, công trình hoặc nhóm dự án, công trình. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III, nhóm IV cấp cho nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng) số ……/GP-UBND ngày …… tháng …… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất ..... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** ..... (m)		

Mẫu số 25: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-BNNMT	

Địa danh…., ngày …… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số ……/2025/NĐ-CP ngày …… tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ giấy phép khai thác khoáng sản số ……ngày …… tháng …… năm …… của ……;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …… tại Văn bản số …… ngày …… tháng …… năm ……;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh …… (*nội dung, điều, khoản,...*) ……của giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày…… tháng …… năm …… của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho …… (*tên tổ chức, cá nhân*) …… khai thác …… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …… như sau:

1. …… (*nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp*) ……;

2. …… (*nội dung điều chỉnh*)[131] ……;

3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác[132]:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: …… (ha, m^2, km^2).

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: …… (ha, m^2, km^2).

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

d) Thời hạn tiếp tục khai thác: ……[133]

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[134] kèm theo giấy phép này.

Điều 2[135]. Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:……

2. Diện tích thực hiện: ……

3. Khối lượng thực hiện: ……

4. Thời gian thực hiện: ……

5. Đơn vị thực hiện: ……

Điều 3[136]. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số …….

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai,

---

[131] Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Nội dung điều chỉnh có thể kết hợp gia hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

[132] Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[133] Áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

[134] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[135] Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[136] Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại về Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số …….

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, …… (*tổ chức, cá nhân*) …… và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)…….
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI, KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất ..... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** ..... (m)		

Mẫu số 26: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản nhóm IV)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-UBND	
	Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày….. tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh .....(*nội dung, điều, khoản,...*)……. của Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.... của ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cấp cho … (*tên tổ chức, cá nhân*)…… khai thác … (*tên khoáng sản*)... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)…… như sau:

1. … (*nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp*)……..;

2. … (*nội dung điều chỉnh*)[137]…….;

3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác[138]:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại:….. (ha, m^2, km^2).

[137] Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.
[138] Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: ….. (ha, m^2, km^2).

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: từ …… (m) đến … (m).

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

Điều 2[139]. Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:……

2. Diện tích thực hiện: ……

3. Khối lượng thực hiện: ……

4. Thời gian thực hiện: ……

5. Đơn vị thực hiện: ……

Điều 3[140]. ……*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);

2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại giấy phép khai thác khoáng sản số … ngày .. tháng … năm … của ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)……

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)……

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[139] Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[140] Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 27: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GP-UBND	
	*Địa danh ……, ngày …… tháng ……năm ……

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày …… tháng …… năm…… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh …… (*nội dung, điều, khoản, ……*) …… quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cấp cho …… (*tên tổ chức, cá nhân*) …… khai thác …… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) …….., …… (*tên cấp tỉnh*)…… như sau:

1. …… (*nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp*) ……;

2. …… (*nội dung điều chỉnh*)[141] ……;

3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác[142]:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: …… (ha, m^2, km^2);

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: ….. (ha, m^2, km^2);

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[143] kèm theo giấy phép này.

Điều 2[144]. Đóng cửa mỏ phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại.

Mục đích đóng cửa mỏ:……

Điều 3. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* …… có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);

2. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số ……

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại[145].

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ……

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …… (*tổ chức, cá nhân*) …… và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[141] Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[142] Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[143] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[144] Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[145] Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI, KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất .... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** .... (m)		

Mẫu số 28: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:…../QĐ-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh …… , ngày …… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của ……;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của …… (tên tổ chức, cá nhân) ……;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh …… (*nội dung, điều, khoản, ……*)…… quy định trong Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số …… ngày …… tháng …… năm …… của …… (*Tên cơ quan cấp giấy phép*) …… cấp cho …… (*tên tổ chức, cá nhân*) …… khai thác …… (*tên khoáng sản*) …… tại bãi thải …… của khu vực (mỏ) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*)…… như sau:

1. …… (*nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp*) ……;

2. …… (*nội dung điều chỉnh*)[146] ……;

[146] Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Nội dung điều chỉnh có thể kết hợp gia hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác[147]:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: …… (ha, m^2, km^2).

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: …… (ha, m^2, km^2).

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ …… (m) đến …… (m).

d) Thời hạn tiếp tục khai thác: ……[148]

Diện tích khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[149] kèm theo giấy phép này.

Điều 2[150]. Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:……

2. Diện tích thực hiện: ……

3. Khối lượng thực hiện: ……

4. Thời gian thực hiện: ……

5. Đơn vị thực hiện: ……

Điều 3[151]. …… *(Tên tổ chức, cá nhân)* ……có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);

2. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ……

3. Chấm dứt hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan đối với phần diện tích trả lại theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ……

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …… (*tổ chức, cá nhân*) …… và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

---

[147] Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[148] Áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

[149] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

[150] Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

[151] Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI, KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu khai thác cao nhất ..... (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất** ..... (m)		

Mẫu số 29: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[152]

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-BNNMT	
	Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .... tại Văn bản số ..... ngày ... tháng …….năm .....;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)……cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

[152] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Điều 2[153]. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:……

2. Diện tích thực hiện: ……

3. Khối lượng thực hiện: ……

4. Thời gian thực hiện: ……

5. Đơn vị thực hiện: ……

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, …….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)…….
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

[153] Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 30: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày….. tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Điều 2[154]. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:……

2. Diện tích thực hiện: ……

[154] Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Khối lượng thực hiện: ……

4. Thời gian thực hiện: ……

5. Đơn vị thực hiện: ……

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, …….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)… theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 31: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm VI

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... của .....*(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)……* cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Điều 2. Đóng cửa mỏ khoáng sản .....*(tên loại khoáng sản)…….* tại khu vực*……, ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……* theo Giấy phép khai thác khoáng sản số …… ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....*(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)……* cấp cho .....*(tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)……* với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích:……

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km^2, có tọa độ chi

tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, …….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)… theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục

TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số ……. /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

Mẫu số 32: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) **.....** Số:...../GP-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Địa danh....., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……;

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày….. tháng..... năm..... của ……(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cấp tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Điều 2[155]. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:……

2. Diện tích thực hiện: ……

[155] Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

3. Khối lượng thực hiện: ……

4. Thời gian thực hiện: ……

5. Đơn vị thực hiện: ……

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, …….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)…… theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 33: Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[156]

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:...../QĐ-BNNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cấp cho ……*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Lý do thu hồi:……..

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, …….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

---

[156] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật[157].

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)…….
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

[157] Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

Mẫu số 34: Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng …… năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng …… năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ……..;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do ……(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)…… cấp cho ……*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

Lý do thu hồi:……..

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, …….(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật[158].

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị

[158] Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, …….(*tổ chức, cá nhân*)……. và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)… (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 34a: Văn bản thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp quy định tại Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-……	*Địa danh....., ngày.....tháng... năm...*

THÔNG BÁO
kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Kính gửi:……*(tên tổ chức, cá nhân)*……

Căn cứ quy định tại….....

……*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*…….thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản…… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) ……như sau:

...(tên tổ chức, cá nhân).... được (hoặc không được) lựa chọn để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản nêu trên.

……*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*…….thông báo để *...(tên tổ chức, cá nhân)...* biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)…;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)…;
- Lưu VT, ... (.....)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 35: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh (trường hợp làm thay đổi diện tích khu vực khai thác) giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP

…… *(TÊN BẢN ĐỒ)* ……

…… (*tên khoáng sản*) …… tại khu vực …… (*tên mỏ*) …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) ……

Phụ lục … (số la mã)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN - 2000, kinh tuyến trục … múi chiếu …	
	X(m)	Y(m)
1 2 …		
Diện tích: ... (ha, m^2, km^2)		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo

Nền hiện trạng địa hình tại thời điểm đề nghị và các điểm khép góc khu vực mỏ

CHỈ DẪN

…….

…….

…….

Khung và lưới tọa độ

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu....."

Tỷ lệ:……

Thước tỷ lệ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
(Ký, đóng dấu (với tổ chức có con dấu))

Tổ chức, cá nhân[159]
(Ký, đóng dấu)

[159] Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh (trường hợp làm thay đổi diện tích khu vực khai thác) giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trong trường hợp lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../BC-.....	*Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Kính gửi: ….. (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*)……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....

- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ….... ngày .... tháng....năm ..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác: .....

- Cơ quan cấp phép .....

- Vị trí mỏ: ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)…….., ……(*tên cấp tỉnh*)……

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m^2, km^2);

- Mức sâu khai thác: từ mức ..... m đến mức ..... m.

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ..... ;

- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: ..... (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày..... tháng.... năm....[160]:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt ..... (VND).

2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có): .....(VND).

3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có): .....(VND).

4. Tổng vốn đầu tư: ..... (VND).

5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế: .....(tấn, m^3).

6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m^3).

7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: ..... (VND/tấn, m^3).

8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: ..... (tấn, m^3).

9. Tổng doanh thu: .....(VND).

10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND). Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);
- Thuế môi trường:.....(VNĐ);
- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
- Khác (nếu có): .....

11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....

12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác .....

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản[161]

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b

---

[160] Thời điểm báo cáo

[161] Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cây của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo[162]

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m^2, km^2).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức .....m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

……

……

5. Công suất tiếp tục khai thác:..…… (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày-đêm).

[162] Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 37: Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)
****

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV
(*tên mỏ khoáng sản, thuộc* ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……)

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)
****

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV
(*tên mỏ khoáng sản, thuộc ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……*)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Chức danh)	ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN (nếu có) (Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu ***(Họ và tên)***	*Chữ ký, đóng dấu* ***(Họ và tên)***

Địa danh, năm 20...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:…….

- Địa chỉ liên lạc: ……

- Điện thoại: ……., Fax: …….

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: …….

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).

- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có);

- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;

- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Nhu cầu sử dụng khoáng sản

Phân tích nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản nhóm IV và được quy định trong giấy phép khai thác do mình là nhà thầu thi công.

4. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.

- Mục tiêu khai thác.

5. Hình thức đầu tư, địa điểm và nhu cầu sử dụng đất

5.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

- Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay cải tạo, điều chỉnh hoặc mở rộng quy mô, nâng công suất, đổi mới công nghệ.

- Xác định hình thức quản lý dự án.

5.2. Địa điểm mỏ và nhu cầu sử dụng đất

- Mô tả địa điểm mỏ.

- Nhu cầu sử dụng đất: xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng (trữ lượng) và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng (tài nguyên, trữ lượng) và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng (trữ lượng) trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, mức sâu khai thác, diện tích khai trường.

1.2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng (trữ lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng (trữ lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác).

3. Mở vỉa và trình tự khai thác

3.1. Mở vỉa

Lựa chọn vị trí và phương pháp mở vỉa.

3.2. Trình tự khai thác

- Xây dựng, lập biểu đồ chế độ công tác mỏ.

- Công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác xây dựng cơ bản mỏ (nếu có): Xác định khối lượng, thời gian xây dựng cơ bản mỏ; tính toán chi tiết khối lượng, cung độ vận tải, khối lượng vận chuyển tính bằng tấn, km, đất bóc xây dựng cơ bản của từng tầng, từng năm, từng khu vực (nếu có).

- Trình tự khai thác, lịch khai thác:

+ Xây dựng trình tự khai thác mỏ phù hợp, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Xây dựng lịch bóc đất thổ nhưỡng, lịch khai thác khoáng sản hàng năm.

4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.

- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

5. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

6. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.

- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

7. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

8. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.

- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

9. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

10. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).

- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác mỏ.

11. Các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước

Trình bày về các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.

3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có);

phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 1: BẢN ĐỒ, BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TT	Số ký hiệu[163]	Tên bản vẽ	Số tờ
I		**Phần địa chất**	
1		Bản đồ vị trí khu vực khai thác	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu mỏ, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng (trữ lượng) khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
II		**Phần khai thác**	
1		Bản đồ mở vỉa, tỷ lệ 1:5.000	
2		Bản đồ giai đoạn xây dựng cơ bản (nếu có), tỷ lệ 1:5.000	
3		Bản đồ khai thác năm đạt công suất thiết kế, tỷ lệ 1:5.000	
4		Bản đồ kết thúc khai thác mỏ, tỷ lệ 1:5.000	
5		Sơ đồ hệ thống khai thác	
6		Bản đồ tổng mặt bằng chung toàn mỏ, tỷ lệ 1:2.000	
III		**Phần bảo vệ môi trường**	
1		Sơ đồ bố trí các công trình bảo vệ môi trường, vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường	
2		Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác, tỷ lệ 1:5.000	

[163] Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu

Phụ lục 2: DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự toán xây dựng công trình gồm các nội dung sau:

1. Phần thuyết minh

Nêu căn cứ pháp lý và cơ sở lập dự toán xây dựng công trình.

2. Phần dự toán

- Xác định khối lượng xây dựng của hạng muc công trình theo thiết kế.

- Xác định đơn giá dự toán xây dựng công trình.

- Lập các khoản mục chi phí dự toán xây dựng công trình theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

Mẫu số 38: Phương án về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(*Tên khu vực, thuộc* ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……)

Địa danh....., năm...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(*Tên khu vực, thuộc ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……*)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Chức danh)	(nếu có)
	(Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu	*Chữ ký, đóng dấu*
(Họ và tên)	***(Họ và tên)***

Địa danh….., năm ...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:…….

- Địa chỉ liên lạc: ……

- Điện thoại: ……., Fax: …….

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: …….

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).

- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có);

- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản;

- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Nhu cầu sử dụng khoáng sản

Phân tích nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp được quy định của Luật Địa chất và khoáng sản.

4. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.

- Mục tiêu khai thác: Nêu rõ tên công trình, dự án.

5. Hình thức đầu tư, địa điểm và nhu cầu sử dụng đất

5.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

- Xác định hình thức đầu tư.

- Xác định hình thức quản lý dự án.

5.2. Địa điểm mỏ và nhu cầu sử dụng đất

- Mô tả địa điểm mỏ.

- Nhu cầu sử dụng đất: xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng (trữ lượng) và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng (tài nguyên, trữ lượng) và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

5. Đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Nêu rõ cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ;

- Các yếu tố tác động đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản;

- Đề xuất các phương pháp, công nghệ áp dụng trong hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản; dự kiến các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến đối tượng cần bảo vệ;

- Đánh giá về hiệu quả kinh tế khi tiến hành thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản trong khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng (trữ lượng) trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, mức sâu khai thác, diện tích khai trường.

1.2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng (trữ lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng (trữ lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác).

3. Mở vỉa và trình tự khai thác

3.1. Mở vỉa

Lựa chọn vị trí và phương pháp mở vỉa.

3.2. Trình tự khai thác

- Xây dựng, lập biểu đồ chế độ công tác mỏ.

- Công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác xây dựng cơ bản mỏ (nếu có): Xác định khối lượng, thời gian xây dựng cơ bản mỏ; tính toán chi tiết khối lượng, cung độ vận tải, khối lượng vận chuyển tính bằng tấn, km, đất bóc xây dựng cơ bản của từng tầng, từng năm, từng khu vực (nếu có).

- Trình tự khai thác, lịch khai thác:

+ Xây dựng trình tự khai thác mỏ phù hợp, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Xây dựng lịch bóc đất thổ nhưỡng, lịch khai thác khoáng sản hàng năm.

4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.

- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

5. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất

và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

6. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.

- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

7. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

8. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.

- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

9. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

10. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).

- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác mỏ.

11. Các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước

Trình bày về các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.

3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải

phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

PHẦN III. PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Các bản vẽ, tài liệu có liên quan.

2. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền đối với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 39. Phương án khai thác khoáng sản và sử dụng khoáng sản đi kèm theo quy định tại điểm c khoản 8a Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm h khoản 23 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM
(*Tên khu vực....., thuộc* ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……)

Địa danh…., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM
(*Tên khu vực....., thuộc ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……*)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Chức danh)	(nếu có)
	(Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu	*Chữ ký, đóng dấu*
(Họ và tên)	***(Họ và tên)***

Địa danh….., năm 20...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:…….

- Địa chỉ liên lạc: ……

- Điện thoại: ……., Fax: …….

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: …….

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường (nếu có).

- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng, tài nguyên (nếu có).

- Hợp đồng thuê đất (nếu có).

- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Báo cáo kết quả thăm dò, tài liệu thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có) và quyết định phê duyệt, công nhận.

- Dự án đầu tư, Thiết kế cơ sở, Thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt.

- Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, kiểm kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại.

- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.

- Mục tiêu khai thác.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn,

địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

5. Hiện trạng mỏ

- Mô tả đặc điểm, hiện trạng mỏ.

- Phạm vi đề nghị khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, diện tích, mức sâu khai thác của khai trường.

1.2. Khối lượng khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng khai trường bao gồm: Khối lượng khoáng sản trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng khoáng sản dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng khoáng sản dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp.

3. Phương án xúc bốc

- Mô tả phương án xúc bốc.

- Liệt kê danh mục các thiết bị xúc bốc, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính

4. Công tác vận tải

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất

và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

5. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.

- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong công tác xúc bốc, vận tải.

6. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

7. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).

- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác của mỏ.

8. Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước

Kê khai các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.

3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng

ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

PHẦN III. PHỤ LỤC KÈM THEO

Các bản vẽ, tài liệu có liên quan.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 40. Phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản và so sánh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN…….

PHƯƠNG ÁN CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN

(*Tên khu vực....., thuộc* ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……)

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN…….

PHƯƠNG ÁN CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN

(*Tên khu vực....., thuộc ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN** (nếu có)
(Chức danh)	(Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu	*Chữ ký, đóng dấu*
(Họ và tên)	***(Họ và tên)***

Địa danh....., năm 20...

PHẦN I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Thông tin tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:…….

- Địa chỉ liên lạc: ……

- Điện thoại: ……., Fax: …….

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: …….

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp.

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).

- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản;

- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp

Trình bày rõ địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

4. Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ đề nghị điều chỉnh

- Địa chỉ chế biến, sử dụng, tiêu thụ đề nghị điều chỉnh.

- Lý do đề nghị điều chỉnh.

5. So sánh phương án đề nghị điều chỉnh với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp

So sánh, đánh giá các tác động của việc thay đổi phương án chế biến, sử dụng, tiêu thụ khoáng sản so với phương án theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

PHẦN II. CÁC TÀI LIỆU PHÁP LÝ LIÊN QUAN

Các văn bản pháp lý liên quan việc điều chỉnh phương án.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IIa

MẪU VĂN BẢN, TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN[164]

Mẫu số 01[165]	Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
Mẫu số 02[166]	Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
Mẫu số 03[167]	Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 04[168]	Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

[164] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[165] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 01 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[166] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 02 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[167] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 03 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[168] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 04 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Kính gửi: …….. (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*) .....

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*)…….

Trụ sở tại:……

Điện thoại:..... Fax:……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản …..(*tên khoáng sản*)……tại khu vực .... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… đã được .....(*cơ quan phê duyệt*)…… phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng, tài nguyên.....(*tên khoáng sản*)……..được công nhận (phê duyệt, xác nhận): ..... (tấn, m^3,...).

Đề nghị được chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản) đối với khoáng sản …. (*tên khoáng sản*) ..... tại khu vực ..... thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản dự kiến đề nghị cấp phép khai thác:.....(tấn, m^3,...), trong đó:

a) Khoáng sản chính: .....(tấn, m^3,...);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có): .....(tấn, m^3,...).

2. Phương pháp khai thác: ..... (Lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:..... (ha,

m^2, km^2), trong đó diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là..... (ha, m^2, km^2).

Toạ độ, diện tích được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản số.....ngày …… tháng …… năm …… của ……)

1. Tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

Mẫu số 02: Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN…….

PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(*Tên khu vực....., thuộc ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……)*

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(*Tên khu vực....., thuộc ……(tên cấp xã)……., ……(tên cấp tỉnh)……*)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Chức danh)	(nếu có)
	(Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu	*Chữ ký, đóng dấu*
(Họ và tên)	***(Họ và tên)***

Địa danh....., năm 20...

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập dự án đầu tư, phương án khai thác khoáng sản.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập dự án đầu tư, phương án khai thác khoáng sản.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1
KHÁI QUÁT KHU VỰC ĐỀ NGHỊ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực khai thác khoáng sản.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực khai thác khoáng sản.

- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn khai thác khoáng sản.

CHƯƠNG 2
PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực

- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3
PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BẢO VỆ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

I. Phạm vi và đối tượng bảo vệ

1. Phạm vi không gian

2. Đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ.

II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ (dự kiến)

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản trong khai trường

Tính toán trữ lượng (khối lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và trữ lượng (khối lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

2. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.

- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

3. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

4. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.

- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

5. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

III. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng

Đánh giá mức độ tác động của phương pháp, giải pháp kỹ thuật công nghệ khi khai thác khoáng sản đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

CHƯƠNG 4
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ

1. Hiệu quả kinh tế khi không khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Hiệu quả kinh tế khi khai thác trong và ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

3. Đánh giá hiệu quả kinh tế toàn bộ khu vực khai thác để sơ bộ lựa chọn phương pháp khai thác (lộ thiên, hầm lò, khác), qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế mỏ.

KẾT LUẬN

- Đánh giá hiệu quả việc khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đưa ra bức trong tổng thể, lựa chọn phương án khai thác phù hợp, hiệu quả.

- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC
DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản với tỷ lệ thích hợp; trong đó thể hiện ranh giới đề nghị khai thác, ranh giới đề nghị khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 03: Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../TB-BNNMT	
	Địa danh....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Kính gửi: …. (*tên tổ chức, cá nhân*) .....

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ,.... tại các Văn bản số..... ngày ... tháng .... năm về việc....;

Xét đề nghị của ..... (tên tổ chức, cá nhân đề nghị).... tại Văn bản số...../... ngày..... tháng..... năm..... về việc ……;

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận để… (*tên tổ chức, cá nhân*) … được lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản …. (*tên khoáng sản*) trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản …. tại xã, phường …… tỉnh ……, kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản khai thác:….....

- Phương pháp khai thác khoáng sản: .....(lộ thiên, hầm lò, khác).

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản: ……. ha (km^2), trong đó diện tích khai thác khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là ……. ha (km^2), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo Thông báo này.

2. …… (*tên tổ chức, cá nhân*) …. có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo để *...(tên tổ chức, cá nhân)...* biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)…;
- Cơ quan cấp phép;
- Cơ quan thẩm định hồ sơ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số.....ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

2. Tọa độ, diện tích dự kiến khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

Mẫu số 04: Văn bản chấp thuận khai thác ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ….	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../TB-UBND	
	Địa danh....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Kính gửi: …. (*tên tổ chức, cá nhân*) .....

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ,.... tại các Văn bản số..... ngày ... tháng .... năm về việc....;

Xét đề nghị của ..... (tên tổ chức, cá nhân đề nghị).... tại Văn bản số...../... ngày..... tháng..... năm..... về việc ……;

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …. có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận để… (*tên tổ chức, cá nhân*) … được lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản …. (*tên khoáng sản*) trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản …. tại xã, phường …… tỉnh ……, kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản khai thác: ……....

- Phương pháp khai thác khoáng sản: .....(lộ thiên, hầm lò, khác).

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản: ……. ha (km^2), trong đó diện tích khai thác khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là ……. ha (km^2), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo Thông báo này.

2. …… (*tên tổ chức, cá nhân*) …. có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …. thông báo để *...(tên tổ chức, cá nhân)...* biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- ….(*Tên tổ chức, cá nhân*)…;
- Cơ quan cấp phép;
- Cơ quan thẩm định hồ sơ;
- Bộ NNMT;
- .....
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ….

PHỤ LỤC

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số.....ngày …… tháng …… năm …… của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ....)

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

2. Tọa độ, diện tích dự kiến khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

Phụ lục III
MẪU VĂN BẢN, TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN[169]

(Kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01[170]	Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 9 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP
Mẫu số 02[171]	Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản
Mẫu số 03	Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản
Mẫu số 03a[172]	Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP
Mẫu số 04	Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản
Mẫu số 05[173]	Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền

[169] Phụ lục III Mẫu văn bản, tài liệu trong hồ sơ xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[170] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 01 Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[171] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 02 Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[172] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 03a Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[173] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 05 Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo

	của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 06[174]	Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

[174] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 06 Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 9 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

Văn bản đề nghị (Bản đăng ký[175]) thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại: ……

Điện thoại: ……., Fax …… ..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày….. tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*) …… cấp.

Được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản …… số …… ngày …… tháng …… năm …… của …… (*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản*) …… để khai thác khoáng sản …… (*tên khoáng sản*) …… tại …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*)…… theo Dự án đầu tư …… (*tên dự án*) ……

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản ….(*tên loại khoáng sản đề nghị thu hồi*) …… trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư khai thác khoáng sản …… (*tên dự án*)

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là …… (ha, m^2, km^2), thuộc phạm vi ranh giới của Dự án đầu tư khai thác khoáng sản ….(*tên dự án*) …… , toạ độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: …… (tấn, m^3,...)

Mục đích sử dụng khoáng sản: ……..

Thời gian thu hồi: Từ ngày …… tháng …… năm …… đến ngày …… tháng …… năm ……

(Các bản vẽ có liên quan gửi kèm theo)

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[175] Áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản số .... ngày …… tháng …… năm …… của ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

Mẫu số 02: Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh……, ngày …… tháng …… năm ……

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……

Trụ sở tại: ……

Điện thoại: ……, Fax……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) ……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số …… ngày …… tháng …… năm …… do …… (*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*) …… cấp; hoặc Căn cước công dân số …… ngày …… tháng …… năm …… cấp tại ……

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản …… (*tên khoáng sản*) …… trong quá trình thực hiện Dự án …… (*Tên dự án đầu tư)* ……

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m^2, km^2), toạ độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: …… (tấn, m^3, ……)

Thời gian thu hồi: Từ ngày …… tháng …… năm …… đến ngày …… tháng …… năm ……

(Có Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản kèm theo)

…… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của .....)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất: ..... (m)		

Mẫu số 03: Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
———

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———————————

……, ngày.... tháng.... năm ....

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ……(*tên cấp xã*)……..

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp; hoặc Căn cước công dân số ……..

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản …….(*tên khoáng sản*)…… trong quá trình thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ……(*Tên loại đất ở, đất nông nghiệp*)……..

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m^2, km^2), tại vị trí ……...

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: ..... (tấn, m^3,...)

Thời gian thu hồi: từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm….

…….(*Tên tổ chức, cá nhân*).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03a: Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh……, ngày …… tháng …… năm ……

Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản

Kính gửi: *….(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)…..*

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy phép đầu tư*)…….. cấp; hoặc Căn cước công dân số ……..là nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình…….*(tên dự án, công trình)…..*

Đề nghị cho phép được sử dụng khoáng sản…….(*tên khoáng sản*)…… để cung cấp cho Dự án, công trình……..*(tên dự án, công trình)…..*

Diện tích bãi thải, bãi chứa tập kết khoáng sản được đề nghị sử dụng là..... (ha, m^2, km^2), tại vị trí ……*(tên địa danh)……..,* toạ độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị sử dụng: ..... (tấn, m^3,...).

Mục đích sử dụng khoáng sản: ……

Thời gian sử dụng: từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm….

…….(*Tên tổ chức, cá nhân*).....cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ BÃI THẢI, BÃI CHỨA TẠP KẾT KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của .....)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		

Mẫu số 04: Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:…….

- Địa chỉ liên lạc: ……

- Điện thoại: ……., Fax: …….

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: …….

2. Cơ sở lập báo cáo

2.1. Cơ sở pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình đã thực hiện (nếu có);

- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản dự kiến thu hồi (nếu có);

- Các tài liệu kỹ thuật khác.

II. THÔNG TIN VỀ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC THU HỒI

1. Tài liệu địa chất khoáng sản

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

2. Hiện trạng, lý do đề xuất thu hồi khoáng sản

Nêu rõ lý do, căn cứ thực tiễn đề xuất thu hồi khoáng sản.

3. Khối lượng và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng và chất lượng của khoáng sản dự kiến thu hồi.

III. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: tọa độ, chiều sâu, diện tích khu vực thu hồi khoáng sản.

2. Khối lượng khoáng sản thu hồi

Tính toán khối lượng khối lượng khoáng sản thu hồi, bao gồm: Khối lượng địa chất trong ranh giới khu vực thu hồi, khối lượng khoáng sản nguyên khai...

3. Chế độ làm việc, công suất và thời gian thu hồi

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn thu hồi khoáng sản

- Xác định công suất, sản lượng thu hồi.

- Thời gian, chế độ thu hồi: Trên cơ sở khối lượng có thể khai thác và công suất khai thác thiết kế, tính toán thời gian khai thác phù hợp.

IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động thu hồi khoáng sản đến môi trường. Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.

2. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

Tổ chức, cá nhân lập Báo cáo

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục: BẢN ĐỒ, BẢN VẼ

TT	Số ký hiệu[176]	Tên bản vẽ	Số tờ
I		**Phần địa chất**	
1		Bản đồ vị trí khu vực thu hồi khoáng sản	
2		Bản đồ, bản vẽ, sơ đồ địa chất, khoáng sản của khu mỏ.	
II		**Phần thu hồi khoáng sản**	
3		Bản đồ hiện trạng khu vực thu hồi	
4		Bản đồ kết thúc thu hồi khoáng sản	
5		Bản đồ tổng mặt bằng chung toàn mỏ	

[176] Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu.

Mẫu số 05: Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../XN-UBND	

Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký thu hồi khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị thu hồi (hoặc sử dụng) khoáng sản ngày…… tháng …… năm …… của …… (Tên tổ chức, cá nhân) ……

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận …… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: ……;

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) ……

Thuộc phạm vi diện tích thực hiện Dự án đầu tư …… (*tên dự án*[177]) ……

[177] Chỉ áp dụng đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu (nếu có): …… (m)[178].

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II[179] kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: ……tấn (m^3).

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có): ……

6. Thời gian thu hồi khoáng sản: …… tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2. …… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản …… (*Tên khoáng sản*) …… theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân …… (*Tên cấp tỉnh*) …… để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:
- .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
- Sở NNMT (bản chính);
- Cục ĐCKS VN (bản sao);
- Lưu:…

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[178] Chỉ áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản.

[179] Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ……

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày …… tháng …… năm …… của ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục …… múi chiếu ……)*	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (nếu có): ..... (m)		

Mẫu số 06: Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

UBND …… (*Tên cấp xã*) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../XN-UBND	
	Địa danh ……, ngày …… tháng …… năm ……

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký thu hồi khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN …(*Tên cấp xã*)…

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ……/……/TT-BNNMT ngày ……. tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Xét hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản ngày….. tháng..... năm..... của .....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....;

Theo đề nghị của …… (Thủ trưởng đơn vị thẩm định hồ sơ) ……

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận …… (*Tên tổ chức, cá nhân*) ……đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: ……

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực …… thuộc …… (*tên cấp xã*) ……, …… (*tên cấp tỉnh*) …….

3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích: …… (ha, m^2, km^2).

b) Mức sâu (nếu có): …… (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo[180].

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: …… tấn (m^3).

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có): ……

6. Thời gian thu hồi khoáng sản: ……tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2. …… (*Tên tổ chức, cá nhân*) …… có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản …… (*Tên khoáng sản*) …… theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân …… *(Tên cấp xã)* …… để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:
- .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
-UBND *...(Tên cấp xã)...* (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)…… (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)…… (bản sao);
- Lưu:…

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[180] Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.

UBND …… *(Tên cấp xã)* ……

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày …… tháng …… năm…… của ……)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** (Kinh tuyến trục … múi chiếu...)	
	X (m)	**Y** (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ..... (ha, m^2, km^2)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (nếu có): ..... (m)		

Lưu ý: *Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.*

Phụ lục IV
MẪU VĂN BẢN, TÀI LIỆU TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN, THU HỒI KHOÁNG SẢN[181]

(Kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản
Mẫu số 02	Văn bản thông báo ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản
Mẫu số 03[182]	Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai, khối lượng đất đá thải (nếu có), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản sau chế biến
Mẫu số 04	Sổ theo dõi hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác, trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến theo dự án khai thác khoáng sản (trừ trường hợp khai thác nước nóng thiên nhiên; nước khoáng thiên nhiên; khí đồng hành cùng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên)
Mẫu số 05	Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III
Mẫu số 06	Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV
Mẫu số 07	Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 08	Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản

[181] Phụ lục IV Mẫu văn bản, tài liệu trong quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[182] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 03 Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 09	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
Mẫu số 10	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước
Mẫu số 11[183]	Báo cáo định kỳ về sản lượng khai thác, sản lượng chế biến, sản phẩm tinh luyện đối với khoáng sản đất hiếm
Mẫu số 12[184]	Báo cáo thu hồi, sử dụng khoáng sản theo quy định tại khoản 10 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

[183] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 11 Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[184] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Mẫu số 12 Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01: Văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./TB-…..	

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

ĐĂNG KÝ NGÀY BẮT ĐẦU XÂY DỰNG CƠ BẢN MỎ, NGÀY BẮT ĐẦU KHAI THÁC MỎ

Kính gửi: ……..(*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*).....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*) .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại:……. Fax: .....

Được ……..(*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*)..... cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ……. ngày …… tháng…… năm …… cho phép khai thác…… tại khu vực…. thuộc ……(*tên cấp xã*)……..., ……(*tên cấp tỉnh*)……

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)……. đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản như sau:

1. Ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ: ngày.... tháng….. năm …… Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là…… tháng (năm).

2. Ngày bắt đầu khai thác khoáng sản: ngày.... tháng…… năm .... Thời gian khai thác là….. năm (tháng).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)……. cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Văn bản thông báo ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./TB-…..	

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO NGÀY BẮT ĐẦU XÂY DỰNG CƠ BẢN MỎ, NGÀY BẮT ĐẦU KHAI THÁC MỎ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ……[185]

……(*Tên tổ chức, cá nhân*) .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại:…… Fax: .....

Được ……..(*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép*)..... cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ……. ngày …… tháng…… năm …… cho phép khai thác…… tại khu vực…. thuộc ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)……. đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tại Văn bản số …… ngày ……. tháng …… năm …… với các thông tin đăng ký như sau:

1. Ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ: ngày.... tháng….. năm …… Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là…… tháng (năm).

2. Ngày bắt đầu khai thác khoáng sản: ngày.... tháng…… năm .... Thời gian khai thác là….. năm (tháng).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)……. thông báo với Quý Ủy ban về ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản và cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[185] Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mỏ khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Mẫu số 03: Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai, khối lượng đất đá thải (nếu có), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản sau chế biến

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN……

SỔ THEO DÕI, THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN NGUYÊN KHAI, KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐÁ THẢI (NẾU CÓ), KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐƯA VÀO CHẾ BIẾN VÀ KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN SAU CHẾ BIẾN

- Số giấy phép: .....
- Tên mỏ: .....

Ngày	Khối lượng khoáng sản nguyên khai được đưa ra khỏi trạng thái tự nhiên[186]	Khối lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến[187]	Khối lượng khoáng sản sau chế biến[188]	Khối lượng vật chất, đất đá thải loại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng				

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

[186] Đối với mỏ có nhiều loại khoáng sản khác nhau, bổ sung thêm các cột 2.1, 2.2… để theo dõi đối với từng loại khoáng sản tương ứng khai thác được

[187] Đối với mỏ có nhiều loại khoáng sản khác nhau đủ điều kiện đưa vào chế biến, bổ sung thêm các cột 3.1, 3.2… để theo dõi đối với từng loại khoáng sản tương ứng đưa vào chế biến

[188] Đối với mỏ đa kim, bổ sung thêm các cột 4.1, 4.2… đối với từng loại khoáng sản tương ứng thu được sau chế biến; đối với khoáng sản than là than sạch địa chất (than sạch trong than nguyên khai)

Mẫu số 04: Sổ theo dõi hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác, trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến theo dự án khai thác khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

SỔ THEO DÕI HÀM LƯỢNG, TỶ LỆ KHOÁNG SẢN CÓ ÍCH TRONG KHOÁNG SẢN NGUYÊN KHAI ĐÃ KHAI THÁC, TRONG TINH QUẶNG HOẶC SẢN PHẨM THU ĐƯỢC SAU CÔNG ĐOẠN CHẾ BIẾN THEO DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

- Số giấy phép: .....
- Tên mỏ: .....

Tháng	Tên loại khoáng sản	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tháng 01	Loại khoáng sản 1				
	Loại khoáng sản 2				
	……				
Tháng 02	Loại khoáng sản 1				
	Loại khoáng sản 2				
	……				
……	……				
Tổng					

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./BC-…..	
	Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM …….

Kính gửi: ……..

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: .....

- Năm sinh: .....

- Trình độ chuyên môn: .....

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:……. ngày..... tháng..... năm……..

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....

2. Cơ quan cấp phép.....

3. Diện tích khu vực khai thác: .....(ha, m^2, km^2).

4. Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò).

5. Mức sâu khai thác: từ mức ..... m đến mức..... m[189].

6. Trữ lượng được phép khai thác:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

7. Công suất được phép khai thác:

- Khoáng sản chính: .....(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): .....(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm).

8. Thời hạn giấy phép: .....(tháng, năm).

9. Vị trí mỏ: khu vực……, ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)……

10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): .....(VND).

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền*)……

11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND).

12. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản (nếu có): .....(VND).

Quyết định phê duyệt tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt*)……

13. Tổng vốn đầu tư:…… .....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Số lượng moong, vị trí (hoặc số lượng lò chợ) đang khai thác: ..... .

2. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

3. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

[189] Áp dụng đối với mỏ khai thác hầm lò

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

6. Hệ số tổn thất trung bình trong khai thác:

- Theo thiết kế: .....

- Theo thực tế của năm báo cáo: .....

- Theo thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: ..... .

7. Hệ số làm nghèo khoáng sản thực tế:

- Theo thực tế của năm báo cáo: .....

- Theo thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: ..... .

8. Tổng khối lượng đất đá thải trong năm báo cáo: ..... (m^3, tấn).

9. Hệ số bóc trung bình thực tế trong năm báo cáo: .....
.....(tấn/m^3, m^3/m^3, tấn/tấn, m^3/tấn).

10. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến (nếu có) trong năm báo cáo:(tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến (nếu có) trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được (nếu có) trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

11. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:. (tấn, m^3).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn, m^3).

12. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo: ..... (VND/tấn, m^3).

13. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: ..... (VND).

14. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo .....(VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: .....(VND).

15. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo: .....(VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: ..... (VND).

- Thuế xuất khẩu khoáng sản .....(VND).

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường: .....(VNĐ).

- Tiền thuê đất: .....(VNĐ).

- Khác (nếu có):.....(VND).

C. Thông tin thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản (nếu có)

1. Tổng số hào:.....m^3/cái.

2. Tổng số giếng:..... m/cái.

3. Tổng số lỗ khoan:..... m/lỗ khoan.

4. Các loại mẫu đã lấy: ..... mẫu trọng sa, ... mẫu hóa cơ bản, ... mẫu nung luyện, ... mẫu HTNT.

5. Kết quả phân tích mẫu bổ sung (nếu có, kể cả mẫu thăm dò nâng cấp).

- Số lượng mẫu:..... mẫu.

- Vị trí đã lấy mẫu (trong, ngoài thân khoáng, vách, trụ, bãi thải...): ..... .

- Kết quả phân tích (ghi theo phiếu kết quả của Phòng thí nghiệm): .....

D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có):..... .

2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm ..... .

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có)..... .

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……), (nếu có).... .

5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác: .....

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) trữ lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có):

- Đánh giá, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm trữ lượng, chất lượng khoáng sản (chiều dày thân khoáng tăng, giảm; hàm lượng có ích cao, thấp hơn so với kỳ báo cáo trước hoặc so với dự án khai thác).

- Xác định rõ trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có).

- Đánh giá khả năng trữ lượng khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng được phép khai thác.

- Các báo cáo, tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:……. ngày..... tháng..... năm……..

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

.....

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Bảng số 01. Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản rắn mỏ .....(*tên mỏ*)……, ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…… tính đến ngày... tháng... năm...
(Giấy phép khai thác số: .../GP-... ngày... của....)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép/báo cáo kết quả thăm dò	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
1	**Chỉ tiêu tính trữ lượng**				
	Hàm lượng biên				
	Hàm lượng công nghiệp tối thiểu				
	Chiều dày thân khoáng tối thiểu				
	Chiều dày lớp kẹp				
	Hệ số bốc đất				
	...				
2	**Phương pháp tính trữ lượng**				
3	**Kết quả tính trữ lượng**				
3.1	Khối (số hiệu khối)-121				
	Hàm lượng trung bình				
	Chiều dày thân khoáng trung bình				
	Chiều dày lớp kẹp trung bình				
	Hệ số bốc đất				
	…				
	Trữ lượng còn lại cấp 121				
3.2	Khối (số hiệu khối)-122				
	Hàm lượng trung bình				

	Chiều dày thân khoáng trung bình				
	Chiều dày lớp kẹp trung bình				
	Hệ số bốc đất				
	...				
	Trữ lượng còn lại cấp 122				
3.3	Khối...				
...	…				
	Tổng trữ lượng (1+2+3+...)				
4	**Sản lượng khai thác năm ...**				
5	**Trữ lượng đã khai thác (quy đổi) năm ....**				
6	**Tỷ lệ tổn thất trung bình năm ...**				
7	**Tổng sản lượng đã khai thác tính đến năm ....**				
8	**Tổng trữ lượng (quy đổi) đã khai thác tính đến năm ...**				
9	**Tỷ lệ tổn thất chung**				
10	**Tổng trữ lượng (quy đổi) đã khai thác tính đến năm ...**				
11	**Tổng trữ lượng còn lại tính đến năm…**				

Bảng số 02. Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng nước nóng thiên nhiên (nước khoáng thiên nhiên) mỏ .....(*tên mỏ*)……, ……(*tên cấp xã*)……., …(*tên cấp tỉnh*)…… tính đến ngày ... tháng ... năm ...
(Giấy phép khai thác số: .../GP-BNNMT ngày … của ….)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
1	**Trữ lượng cấp B**				
2	**Trữ lượng cấp C1**				
3	**Sản lượng khai thác**				
3.1	Năm...				
3.2	Năm...				
3.3	Năm...				
3.4	Năm...				
4	**Tổng sản lượng đã khai thác tính đến năm ....**				

Mẫu số 06: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./BC-…..	

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM …….

Kính gửi: ……..

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân: ..... .

2. Loại hình doanh nghiệp: ..... .

3. Địa chỉ: ..... .

Điện thoại: .....; Fax: ..... .

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: ..... .
- Năm sinh: .....
- Trình độ chuyên môn: .....

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:……. ngày..... tháng..... năm…….

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác..... .

2. Cơ quan cấp phép..... .

3. Diện tích khu vực khai thác: .....(ha, m^2, km^2).

4. Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên).

5. Mức sâu khai thác: ..... m[190].

6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:..... .

7. Công suất được phép khai thác:.....:.(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm).

8. Thời hạn giấy phép: .....(tháng, năm).

[190] Áp dụng đối với mỏ khai thác hầm lò

9. Vị trí mỏ: khu vực……, ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…….

10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....(VND).

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền*)……

11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:…….....(VND).

12. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản (nếu có): .....(VND).

Quyết định phê duyệt tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt*)……

13. Tổng vốn đầu tư:…….....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế:

- Trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại:..... (tấn, m^3).

3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m^3).

4. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo : ..... (VND/tấn, m^3).

5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: ..... (VND).

6. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo.....(VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: .....(VND).

7. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo: .....(VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: ..... (VND).

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường: .....(VNĐ).

- Tiền thuê đất: .....(VNĐ).

- Khác (nếu có):.....(VND).

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện khai thác khoáng sản (nếu có):..... .

2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm ..... .

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có) ..... .

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……), (nếu có) .... .

5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác: .....

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) trữ lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo so với kết quả thăm dò, khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV:

- Đánh giá, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm trữ lượng (khối lượng), chất lượng khoáng sản (chiều dày thân khoáng tăng, giảm; hàm lượng có ích cao, thấp hơn so với kỳ báo cáo trước hoặc so với dự án khai thác).

- Xác định rõ trữ lượng (khối lượng), chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có).

- Đánh giá khả năng trữ lượng (khối lượng) khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng (khối lượng) được phép khai thác.

- Các báo cáo, tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:……. ngày..... tháng..... năm……..

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: …./BC-…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
NĂM …….

Kính gửi: ……..

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân: ..... .

2. Loại hình doanh nghiệp: ..... .

3. Địa chỉ: ..... .

Điện thoại: .....; Fax: ..... .

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: ..... .

- Năm sinh: .....

- Trình độ chuyên môn: .....

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:……. ngày..... tháng..... năm……..

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác tận thu: ..... .

2. Cơ quan cấp phép: ..... .

3. Diện tích khu vực khai thác tận thu: .....(ha, m^2, km^2).

4. Phương pháp khai thác tận thu: ..... (lộ thiên, hầm lò).

5. Mức sâu khai thác: ..... m.

6. Khối lượng (trữ lượng) được phép khai thác tận thu:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

7. Công suất được phép khai thác tận thu:

- Khoáng sản chính: .....(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): .....(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm).

8. Thời hạn giấy phép: .....(tháng, năm).

9. Vị trí mỏ: khu vực……., ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…….

10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): .....(VND).

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền*)……

11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:…….....(VND).

12. Tổng vốn đầu tư:…….....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Số lượng moong, vị trí (hoặc số lượng lò chợ) đang khai thác: ..... .

2. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

3. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

4. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác tận thu còn lại:

- Khoáng sản chính: ..... (tấn, m^3).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): ..... (tấn, m^3).

5. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:..... (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến (nếu có) trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được (nếu có) trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

6. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m^3).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn, m^3).

6. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo: ..... (VND/tấn, m^3).

7. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: ..... (VND).

8. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo .....(VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: .....(VND).

9. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo: .....(VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: ..... (VND).

- Thuế xuất khẩu khoáng sản .....(VND).

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường: .....(VNĐ).

- Tiền thuê đất: .....(VNĐ).

- Khác (nếu có):.....(VND).

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có):..... .

2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm ..... .

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có) ..... .

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ…), (nếu có) ..... .

5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác: .....

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) khối lượng khoáng sản theo số

liệu thực tế khai thác tại mỏ so với khối lượng khoáng sản được phép khai thác, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm khối lượng, chất lượng khoáng sản, xác định rõ trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào và trữ lượng khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng được phép khai thác.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:……. ngày..... tháng..... năm……..

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08: Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: …./BC-…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN NĂM …….

Kính gửi: ……..

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân: ..... .

2. Loại hình doanh nghiệp: ..... .

3. Địa chỉ: ..... .

Điện thoại: .....; Fax: ..... .

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: ..... .

- Năm sinh: ..... .

- Trình độ chuyên môn: ..... .

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm…….

A. Thông tin chung về giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép thu hồi: ..... .

2. Cơ quan cho phép thu hồi: ..... .

3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: .....(ha, m^2, km^2).

4. Phương pháp thu hồi khoáng sản: ..... (lộ thiên, hầm lò).

5. Mức sâu thu hồi khoáng sản: ..... m.

6. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi: ..... (tấn, m^3).

7. Thời hạn thu hồi khoáng sản: .....(tháng, năm).

8. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực……., ……(*tên cấp*

xã)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…….

9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản .....(VND).

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền*)……

B. Hoạt động khai thác tận thu khoáng sản

1. Sản lượng khoáng sản thu hồi thực tế:

- Trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

2. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi còn lại: ..... (tấn, m^3).

3. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi trong năm báo cáo: ..... (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi từ khi bắt đầu thu hồi đến hết năm báo cáo:..... (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có):..... (tấn, m^3).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến trong năm báo cáo (nếu có):(tấn, m^3).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được trong năm báo cáo (nếu có): ..... (tấn, m^3).

4. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m^3).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn, m^3).

5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: ..... (VND).

6. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo: .....(VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: ..... (VND).

- Thuế xuất khẩu khoáng sản .....(VND).

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường: .....(VNĐ).

- Khác (nếu có):.....(VND).

D. Đánh giá chung

.....

.....

.....

II.2. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm ……..

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

.....

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09: Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

UBDN TỈNH (THÀNH PHỐ)…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./BC-UBND	

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (THÀNH PHỐ)……..
NĂM …….

Kính gửi: ……..

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

1.1. Các văn bản quản lý nhà nước đã ban hành

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

2. Công tác lập, phê duyệt, điều chỉnh phương án quản lý địa chất, khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh

3. Công tác điều tra cơ bản địa chất

3.1. Công tác phê duyệt đề án điều tra cơ bản địa chất

3.2. Kết quả thực hiện từng đề án điều tra cơ bản địa chất

Số liệu tổng hợp về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo mẫu tại Biểu số 01 kèm theo báo cáo.

4. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

4.1. Công tác phê duyệt trữ lượng khoáng sản

4.2. Công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản

4.3. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

4.4. Công tác hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản

4.5. Công tác phê duyệt, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

6. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

7. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

- Tổng hợp giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh (thành phố) đến thời điểm báo cáo (nêu rõ giấy phép Bộ cấp, tỉnh cấp, nhóm, loại khoáng sản). Số liệu tổng hợp theo mẫu tại Biểu số 02 kèm theo báo cáo.

- Tổng hợp giấy phép thăm dò hết hạn trong năm báo cáo; giấy phép thăm dò đang đề nghị gia hạn; giấy phép thăm dò đã được công nhận trữ lượng trong năm báo cáo đang lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Số liệu tổng hợp theo mẫu tại Biểu số 03 kèm theo báo cáo.

- Đánh giá về những kết quả đạt được. Số liệu tổng về kết quả thăm dò khoáng sản theo từng giấy phép, biến động trữ lượng khoáng sản đã được thăm dò trong năm báo cáo theo mẫu tại Biểu số 04 kèm theo báo cáo.

- Những khó khăn, tồn tại các tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản gặp phải.

2. Công tác khai thác khoáng sản

- Tổng số Giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh (thành phố) đến thời điểm báo cáo (nêu rõ Giấy phép Bộ cấp, tỉnh cấp, nhóm, loại khoáng sản). Số liệu tổng hợp theo mẫu tại Biểu số 05 kèm theo báo cáo.

- Tổng hợp Giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn trong năm báo cáo và đang đề nghị gia hạn, đang đề nghị cấp lại, đang làm hồ sơ đóng cửa mỏ hoặc đã có quyết định đóng cửa mỏ. Số liệu tổng hợp theo mẫu tại Biểu số 06 kèm theo báo cáo.

- Tổng hợp kết quả khai thác trong năm, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực trên địa bàn.

- Đánh giá về những kết quả đạt được. Số liệu tổng hợp về kết quả khai thác khoáng sản theo từng giấy phép; loại, nhóm khoáng sản; tổng hợp về biến động trữ lượng khoáng sản đã khai thác trong năm báo cáo. Số liệu tổng hợp theo mẫu tại Biểu số 07 kèm theo báo cáo.

- Những khó khăn, tồn tại tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản gặp phải.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản

- Tổng hợp số cuộc thanh tra, kiểm tra; số lượng đối tượng được thanh tra, kiểm tra;

- Tổng hợp các hành vi vi phạm phổ biến được phát hiện; kết quả xử lý, xử phạt đối với các hành vi vi phạm;

- Tổng hợp kết quả tính và thu lợi bất hợp pháp, tịch thu tang vật vi phạm.

Số liệu tổng hợp về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo mẫu tại Biểu số 08 kèm theo báo cáo.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Tổng số tiền đã nộp ngân sách nhà nước:..... đồng.

Trong đó:

+ Thuế tài nguyên: ..... đồng.

+ Thuế xuất khẩu khoáng sản (nếu có): ..... đồng.

+ Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... đồng.

+ Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... đồng.

- Số tiền còn nợ ngân sách nhà nước ..... đồng.

Số liệu tổng hợp về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo mẫu tại Biểu số 09 kèm theo báo cáo.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản:.....

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm:.....

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...):.....

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……):.....

5. Bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản:.....

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Nơi nhận:
- ……...

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 01: TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) THỰC HIỆN TRONG NĂM ….

(Kèm theo Báo cáo số .../...ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

TT	Tên đề án	Số, ngày tháng, năm của Quyết định phê duyệt	Diện tích, tọa độ	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện		Kết quả thực hiện	Ghi chú
								Năm báo cáo	Lũy kế		
1											
2											
3											
…											
…											

Biểu số 02: BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC

(Kèm theo Báo cáo số .../...ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha, m^2, km^2)	Ghi chú
I	***Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường***						
1							
2							
..							
n							
II	***Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)***						
1							
2							
..							
n							

Biểu số 03: BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN DO CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) CẤP HẾT HẠN TRONG NĂM ….

(Kèm theo Báo cáo số .../...ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha, m^2, km^2)	Thời điểm hết hạn	Trạng thái của Giấy phép[191]	Ghi chú
1									
2									
..									
n									

[191] Ghi rõ Giấy phép đang gia hạn hoặc đang làm thủ tục công nhận trữ lượng hoặc đã được công nhận trữ lượng và đang làm thủ tục cấp giấy phép khai thác hoặc đã được cấp giấy phép khai thác số …. ngày …..

Biểu số 04: BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP DO CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) CẤP

(Kèm theo Báo cáo số …./…. ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

TT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép	Diện tích thăm dò (ha, m^2, km^2)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được công nhận (nghìn tấn, nghìn m^3)		Tài nguyên khoáng sản được công nhận (nghìn tấn, nghìn m^3)		Ghi chú
							Cấp 121	Cấp …	Cấp 121	Cấp …	
1											
2											
...											
n											

Biểu số 05: BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép	Vị trí hành chính khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha, m^2, km^2)	Trữ lượng được phép khai thác (tấn, m^3)	Công suất được phép khai thác (tấn, m^3/năm)	Ghi chú
I	***Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường***								
1									
2									
...									
n									
II	***Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)***								
1									
2									
…									
n									

Biểu số 06: BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DO CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) CẤP HẾT HẠN TRONG NĂM ….

(Kèm theo Báo cáo số .../...ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép	Vị trí hành chính khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha, m^2, km^2)	Thời điểm hết hạn	Trạng thái của Giấy phép[192]	Ghi chú
1									
2									
..									
n									

[192] Ghi rõ Giấy phép đang đề nghị gia hạn hoặc đang đề nghị cấp lại hoặc đang làm hồ sơ đóng cửa mỏ hoặc đã được gia hạn tại Giấy phép số … ngày …… hoặc đã được cấp lại tại Giấy phép số … ngày …… hoặc đã có quyết định đóng cửa mỏ tại quyết định số …. ngày …..

Biểu số 07: TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DO CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) CẤP

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày... tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản	Loại khoáng sản	Trữ lượng được phép khai thác (tấn, m^3)	Công suất được phép khai thác (tấn, m^3/năm)	Sản lượng khoáng sản nguyên khai (tấn, m^3)	Sản lượng khoáng sản đã xuất khẩu (tấn, m^3)	Số lao động sử dụng bình quân (người)	Ghi chú
1										
2										
…										
n										

Biểu số 08: KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TẠI TỈNH (THÀNH PHỐ) NĂM …..

(Kèm theo Báo cáo số .../...ngày...tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

Số Giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Các hành vi vi phạm bị phát hiện, xử lý	Tổng số tiền xử phạt là (triệu đồng)	Hình thức xử phạt bổ sung	Tịch thu, nộp lại số lợi bất hợp pháp		
					Tịch thu tang vật (m^3/triệu đồng)	Tịch thu phương tiện thực hiện hành vi vi phạm	Nộp lại số lợi bất hợp pháp (triệu đồng)
1							
2							
3							
4							
5							
….							

Biểu số 09: TỔNG HỢP KẾT QUẢ NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày... tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản	Loại khoáng sản	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng)		Thuế tài nguyên (đồng)		Thuế xuất khẩu khoáng sản (đồng)		Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản (đồng)		Tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường (đồng)		Nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (đồng)		Ghi chú
					Đã nộp	Còn nợ	Đã nộp	Còn nợ	Đã nộp	Còn nợ	Đã nộp	Còn nợ	Đã nộp	Còn nợ	Đã nộp	Còn nợ	
1																	
2																	
…																	
n																	

Biểu số 10. Kết quả phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản năm ……

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày... tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

TT	Quyết định phê duyệt	Giấy phép khai thác	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Nhà nước/Tổ chức, cá nhân đầu tư[193]	Tổng số tiền phê duyệt	Tổ chức, cá nhân nộp tiền	Ghi chú
1								
2								
3								
4								
…								

[193] Ghi "Nhà nước đầu tư" đối với các Quyết định phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư; ghi "Tổ chức, cá nhân đầu tư" đối với các Quyết định phê duyệt chi phí thăm dò khoáng sản do tổ chức, cá nhân đầu tư.

Biểu số 11. Kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm ……

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày... tháng...năm... của UBND tỉnh (thành phố)...)

TT	Quyết định phê duyệt	Giấy phép khai thác	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Đấu giá/không đấu giá	Tỷ lệ thu (R)	Tổng số tiền phê duyệt	Tổ chức, cá nhân nộp tiền	Ghi chú
1									
2									
3									
4									
…									

Mẫu số 10: Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./BC-BNNMT	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm....*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN QUỐC NĂM …….

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về địa chất, khoáng sản

3. Công tác lập, trình phê duyệt quy hoạch khoáng sản; khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; khoanh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

4. Công tác điều tra cơ bản địa chất

5. Công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản

6. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

7. Công tác phê duyệt trữ lượng khoáng sản

8. Công tác thanh tra, kiểm tra và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

9. Công tác hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản

10. Công tác phê duyệt, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Tổng hợp số lượng giấy phép hoạt động khoáng sản còn hiệu lực

2. Kết quả đạt được về khai thác khoáng sản

3. Kết quả thực hiện nghĩa vụ tài chính và trách nhiệm xã hội từ hoạt động khai thác khoáng sản

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

1. Đánh giá chung

2. Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhiệm vụ, giải pháp

2. Kiến nghị

Nơi nhận:
- ……...

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 01. Thống kê văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực khoáng sản ban hành năm ….

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan ban hành văn bản
I. Xây dựng Luật, Nghị quyết của Quốc hội			
1			
…			
II. Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ			
1			
…			
III. Thông tư			
1			
…			

Biểu số 02. Tổng hợp các đề án điều tra cơ bản địa chất do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên đề án	Quyết định, ngày phê duyệt	Diện tích	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện		Kết quả thực hiện	Ghi chú
						Năm báo cáo	Lũy kế		
1									
2									
3									
…									
…									

Biểu số 03. Tổng hợp các đề án điều tra cơ bản địa chất do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên tỉnh, thành phố	Tên đề án	Quyết định, ngày phê duyệt	Diện tích	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện		Kết quả thực hiện	Ghi chú
							Năm báo cáo	Lũy kế		
1										
2										
3										
…										
…										

Biểu số 04. Kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Tỉnh, thành phố	Diện tích (ha)	Trữ lượng, tài nguyên	Đã có/chưa có kết quả thăm dò[194]	Giá khởi điểm	Tỷ lệ thu tiền cấp quyền trúng đấu giá[195]	Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá	Ghi chú
1										
2										
3										
…										
…										

[194] Ghi "chưa có kết quả thăm dò" đối với các mỏ chưa có kết quả thăm dò khoáng sản; ghi "đã có kết quả thăm dò" đối với các mỏ đã có kết quả thăm dò khoáng sản.
[195] Ghi rõ giá trúng đấu giá đối với các mỏ đấu giá thành công, ghi "đấu giá không thành" đối với các mỏ đấu giá không thành.

Biểu số 05. Kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng, tài nguyên	Đã có/chưa có kết quả thăm dò[196]	Giá khởi điểm	Tỷ lệ thu tiền cấp quyền trúng đấu giá[197]	Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá	Ghi chú
I	***Tỉnh (thành phố) ……..***								
1									
2									
…									
II	***Tỉnh (thành phố) ……..***								
1									
2									
…									

[196] Ghi "chưa có kết quả thăm dò" đối với các mỏ chưa có kết quả thăm dò khoáng sản; ghi "đã có kết quả thăm dò" đối với các mỏ đã có kết quả thăm dò khoáng sản.

[197] Ghi rõ giá trúng đấu giá đối với các mỏ đấu giá thành công, ghi "đấu giá không thành" đối với các mỏ đấu giá không thành.

Biểu số 06. Thống kê Giấy phép thăm dò khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp năm …

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Số GP	Ngày cấp	Khoáng sản	Vị trí mỏ	Tỉnh, thành phố	Tổ chức, cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (tháng)	Ghi chú
1									
2									
3									
…									
…									

Biểu số 07. Thống kê Giấy phép thăm dò khoáng sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cấp năm …

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Số GP	Ngày cấp	Khoáng sản	Vị trí mỏ	Tổ chức, cá nhân được cấp phép	Diện tích (ha)	Thời hạn (tháng)	Ghi chú
I	***Tỉnh (thành phố)…….***							
1								
2								
…								
II	***Tỉnh (thành phố)…….***							
1								
2								
…								

Biểu số 08. Thống kê Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Số GP	Ngày cấp	Loại KS	Khu vực khai thác	Tỉnh, thành phố	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)	Trữ lượng khai thác		Công suất khai thác		Đơn vị được phép khai thác
								ĐVT	Số liệu	ĐVT	Số liệu	
1												
2												
3												
…												
…												

Biểu số 09. Thống kê Giấy phép khai thác khoáng sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cấp năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Số GP	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Khu vực khai thác	Diện tích (ha)	Thời hạn (năm)	Trữ lượng khai thác		Công suất khai thác		Đơn vị được phép khai thác
							ĐVT	Số liệu	ĐVT	Số liệu	
I	***Tỉnh (thành phố)…….***										
1											
2											
…											
II	***Tỉnh (thành phố)…….***										
1											
2											
…											

Biểu số 10. Trữ lượng khoáng sản được Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Loại khoáng sản:……

TT	Tỉnh, thành phố	Đơn vị tính	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt trong năm …….				Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt lũy kế đến 31/12 năm ……			
			Tổng số	Phân theo các cấp trữ lượng			Tổng số	Phân theo các cấp trữ lượng		
				Cấp 111	Cấp 121	Cấp 122		Cấp 111	Cấp 121	Cấp 122
A	B		1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8
1	…….									
2	…….									
3	…….									
…	…….									
…	…….									

Biểu số 11. Trữ lượng khoáng sản được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phê duyệt trong năm …..

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tỉnh, thành phố/ Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó[198]		
				Cấp 111	Cấp 121	Cấp 122
1						
2						
3						
4						
5						
6						

[198] Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên phân theo cấp A, B, C_1, C_2

Biểu số 12. Kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản tại địa phương năm …..

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên tỉnh, thành phố	Số trường hợp vi phạm pháp luật về khoáng sản	Tổng số tiền xử phạt (triệu đồng)	Tịch thu, nộp lại số lợi bất hợp pháp		
				Tịch thu tang vật (m^3/triệu đồng)	Tịch thu phương tiện thực hiện hành vi vi phạm	Nộp lại số lợi bất hợp pháp (triệu đồng)
1						
2						
3						
4						
5						
….						

Biểu số 13. Kết quả phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Quyết định phê duyệt	Giấy phép khai thác	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Tỉnh, thành phố	Nhà nước/Tổ chức, cá nhân đầu tư[199]	Tổng số tiền phê duyệt	Tổ chức, cá nhân nộp tiền	Ghi chú
1									
2									
3									
…									
…									

[199] Ghi "Nhà nước đầu tư" đối với các Quyết định phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư; ghi "Tổ chức, cá nhân đầu tư" đối với các Quyết định phê duyệt chi phí thăm dò khoáng sản do tổ chức, cá nhân đầu tư.

Biểu số 14. Kết quả phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Quyết định phê duyệt	Giấy phép khai thác	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Nhà nước/Tổ chức, cá nhân đầu tư[200]	Tổng số tiền phê duyệt	Tổ chức, cá nhân nộp tiền	Ghi chú
I	***Tỉnh (thành phố) ……..***							
1								
2								
…								
II	***Tỉnh (thành phố) ……..***							
1								
2								
…								

[200] Ghi "Nhà nước đầu tư" đối với các Quyết định phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư; ghi "Tổ chức, cá nhân đầu tư" đối với các Quyết định phê duyệt chi phí thăm dò khoáng sản do tổ chức, cá nhân đầu tư.

Biểu số 15. Kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Quyết định phê duyệt	Giấy phép khai thác	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Đấu giá/không đấu giá	Tỷ lệ thu (R)	Tổng số tiền phê duyệt	Tổ chức, cá nhân nộp tiền	Ghi chú
I	***Tỉnh (thành phố) ……***								
1									
2									
…									
II	***Tỉnh (thành phố) ……***								
1									
2									
…									

Biểu số 16. Tổng hợp kết quả nộp ngân sách nhà nước năm ….

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNNMT ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng nộp ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	Trong đó				Ghi chú
			Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tỷ đồng)	Thuế tài nguyên (tỷ đồng)	Phí môi trường (tỷ đồng)	Ký quỹ môi trường (tỷ đồng)	
1							
2							
3							
4							
5							
…							

Mẫu số 11. Báo cáo định kỳ về sản lượng khai thác, sản lượng chế biến, sản phẩm tinh luyện đối với khoáng sản đất hiếm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số ...../BC-.....	*Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
về sản lượng khai thác, sản lượng chế biến, sản phẩm tinh luyện và các thông tin cần thiết khác khoáng sản đất hiếm tháng…năm…

Kính gửi: ….. (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép*)……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật: …….

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... của ….

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác tháng…năm…:

1. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế: .....(tấn, m^3).

2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m^3).

3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: ..... (tấn, m^3).

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (nếu có)

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

- Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án.

- Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12: Báo cáo thu hồi, sử dụng khoáng sản theo quy định tại khoản 10 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./BC-…..	
	Địa danh….., ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

Kính gửi: ……..

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân: ..... .

2. Loại hình doanh nghiệp: ..... .

3. Địa chỉ: ..... .

Điện thoại: .....; Fax: ..... .

4. Người đại diện theo pháp luật: ……

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm……..

A. Thông tin chung về giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Cơ quan cho phép thu hồi: ..... .

2. Loại khoáng sản được phép thu hồi: ..... .

3. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực……., ……(*tên cấp xã*)……., ……(*tên cấp tỉnh*)…….

4. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: .....(ha, m^2, km^2).

5. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi: ..... (tấn, m^3).

6. Mục đích sử dụng khoáng sản: ……. .....

7. Thời hạn thu hồi khoáng sản: .....(tháng, năm).

8. Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày..... tháng..... năm..... của ……(*Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền*)……, tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.....(VND).

B. Kết quả hoạt động thu hồi khoáng sản

1. Sản lượng khoáng sản thu hồi thực tế: ..... (tấn, m^3).

2. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi còn lại (nếu có):..... (tấn, m^3).

3. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp: ..... (VND).

C. Đánh giá chung

.....

.....

.....

II.2. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:……. ngày..... tháng..... năm ……..

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

.....

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)